



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Trụ sở chính:

Toà nhà TDL, 22 Láng Hạ,

Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-024) 3248 4820

Fax: (84-024) 3248 4821

Chi Nhánh Hồ Chí Minh:

Tầng 9, 63 Võ Văn Tần, Phường 6

Quận 3, TPHCM

Điện thoại: (84-028) 6299 2099

Fax: (84-028) 6299 2088

Website: <http://www.tvs.vn> Email: info@tvs.vn



MỤC LỤC

Trang

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Chặng đường phát triển	4
Các chỉ số tài chính nổi bật 2013 -2017	7
Ngành nghề kinh doanh	9
Định hướng phát triển	13

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2017

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc	15
Tình hình tài chính	17
Quản trị rủi ro	19
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	21
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động Công ty	23
Báo cáo Ban kiểm soát	25

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Sơ đồ cơ cấu tổ chức	30
Hội đồng Quản trị	33
Ban Kiểm soát	35
Ban Tổng Giám Đốc	36

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông	39
Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	40

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính	41
Thuyết minh Báo cáo tài chính	42

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

PHẦN I: LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

- Chặng đường phát triển
- Các chỉ số tài chính nổi bật
- Ngành nghề kinh doanh
- Định hướng phát triển

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

2006	2007	2010
<p>TVS chính thức được thành lập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13/12/2006 - Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD của UBCK ngày 25/12/2006 - Trụ sở: Hà Nội - Vốn điều lệ: 36 tỷ đồng 	<p>Tăng vốn lên 430 tỷ đồng và mở thêm chi nhánh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng vốn điều lệ từ 43 tỷ lên 86 tỷ đồng theo Giấy phép số 67/UBCK-CP ngày 24/8/2007 điều chỉnh GP 36 ; - Tăng vốn điều lệ lên 430 tỷ đồng theo Giấy phép số 92/UBCK-GPĐCCTCK ngày 5/12/2007 điều chỉnh GP 36 ; - Quyết định 505/QĐ-UBCK của UBCK ngày 7/9/2007 chấp thuận thành lập chi nhánh TPHCM; 	<p>Nhận tài trợ từ IFC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháng 8/2010, TVS trở thành ngân hàng đầu tư đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam nhận được tài trợ từ IFC, thành viên của Ngân hàng Thế giới (World Bank).



2012	2015	2016	2017
<p>Chuyển trụ sở</p> <ul style="list-style-type: none"> Quyết định số 115/GPĐC-UBCK ngày 03/12/2012 v/v điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động - thay đổi địa chỉ trụ sở đến Toà nhà TĐL, 22 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội. 	<p>Niêm yết trên Hose, tăng vốn và mua Công ty Quản lý Quỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày 15/01/2015, cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán: TVS) chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM; Tháng 5/2015, Công ty Quản lý quỹ Thiên Việt (TVAM) ra đời sau khi TVS mua thành công 99,2% cổ phần Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán An Phúc; Tăng vốn điều lệ lên 476.438.880.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK của UBCK ngày 27/8/2015. 	<p>Tăng vốn và huy động thành công Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt</p> <ul style="list-style-type: none"> TVAM đã huy động thành công và niêm yết trên sàn HOSE một Quỹ đóng mới, Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt - "TVGF" với tổng giá trị 150 tỷ; Tăng vốn điều lệ lên 520.005.060.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK của UBCK ngày 05/09/2016; Tăng vốn điều lệ lên 534.295.060.000 đồng Giấy phép điều chỉnh số 44/GPĐC của UBCK ngày 12/12/2016. 	<p>Tăng vốn và huy động Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2</p> <p>Tăng vốn điều lệ lên 578.710.410.000 đồng Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC của UBCK ngày 29/08/2017</p> <p>TVAM tiến hành thủ tục huy động Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2- "TVGF2" với tổng giá trị 170 tỷ đồng và được cấp phép thành lập quỹ vào ngày 02/01/2018</p>



THÔNG TIN LIÊN LẠC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Địa chỉ trụ sở: Toà nhà TĐL, 22 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Địa chỉ chi nhánh: Tầng 9, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP.HCM
Email: info@tvs.vn
Website: <http://www.tvs.vn>
Điện thoại: (84-024) 32484820
Fax: (84-024) 32484821

THÔNG TIN NIÊM YẾT

Mã cổ phiếu: TVS
Địa điểm: Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Ngày niêm yết: 15/01/2015
Vốn điều lệ: 578.710.410.000 đồng
Mệnh giá: 10.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết: 57.871.041
Số lượng cổ phiếu lưu hành: 55.045.041

CÔNG TY KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIET NAM

Địa chỉ: Tầng 28, Toà nhà Tài Chính Bitexco
Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM
Website: <http://www.ey.com.vn>
Điện thoại: (84-028) 38245252
Fax: (84-028) 38245250

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

TVS	2013	2014	2015	2016	2017
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (triệu đồng)					
Doanh thu hoạt động	160,063	175,607	206,774	167,510	413,585
- Hoạt động Tư vấn	30,972	9,419	69,681	18,608	1,715
- Hoạt động tự doanh	103,089	122,579	78,424	87,679	301,718
- Hoạt động Môi giới	6,007	13,770	58,201	22,895	24,921
- Quản lý quỹ				3,840	14,827
- Hoạt động khác	19,995	29,839	467	34,488	70,405
Chi phí hoạt động	54,814	60,853	77,781	60,263	140,486
Doanh thu hoạt động tài chính			3,135	3,840	1,170
Chi phí hoạt động tài chính			4,451	18,789	45,369
Chi phí quản lý	12,849	15,819	18,438	21,620	25,408
Kết quả hoạt động	92,400	98,935	109,239	70,678	203,493
Thu nhập khác và chi phí khác	36	-1	3,777	11,060	4,955
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	92,436	98,934	113,016	81,738	208,448
Lợi nhuận sau thuế TNDN	71,875	79,006	89,203	66,833	168,018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu đồng)

Tài sản ngắn hạn	498,673	731,724	626,371	1,336,340	1,591,656
Tài sản dài hạn	161,815	19,564	28,101	24,804	21,418
Tổng tài sản	660,488	751,289	654,472	1,361,144	1,613,073
Nợ phải trả	185,156	239,521	80,471	751,095	867,952
Vốn chủ sở hữu	475,332	511,768	574,001	610,049	745,121
Vốn điều lệ	430,000	430,000	476,439	534,295	578,710

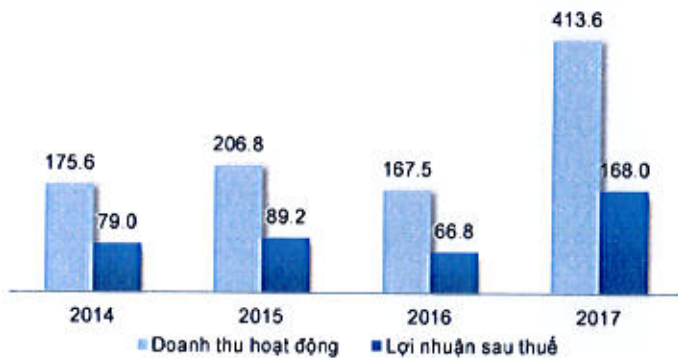
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Thu nhập trên VCSH (ROE)	15.5%	16.0%	16.4%	11.3%	24.8%
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	9.3%	11.2%	12.7%	6.6%	11.3%
Chỉ tiêu an toàn tài chính	397%	444%	453%	268%	300%

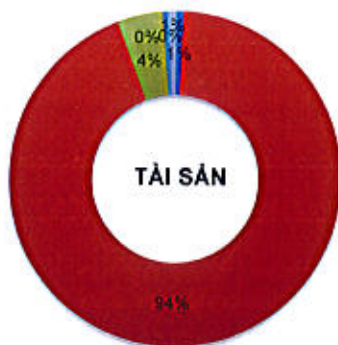
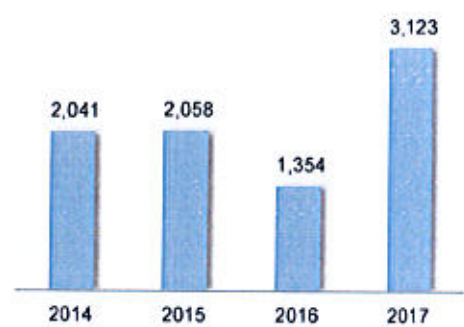
CHỈ TIÊU CHO 1 ĐƠN VỊ CỔ PHIẾU

Số lượng cổ phiếu lưu hành	38,700,000	38,700,000	43,343,888	49,358,756	53,800,291
Thu nhập trên 1 cổ phiếu	1,857	2,041	2,058	1,354	3,123
Giá trị sổ sách trên 1 cổ phiếu	12,282	13,224	13,243	12,359	13,850
Cổ tức - VND	1,600	1,800	1,700	1,300	1500*
Giá cổ phiếu tại ngày giao dịch cuối năm		12,500	12,200	9,200	11,200
P/E		6.1x	5.9x	6.8x	3.6x
P/B		0.9x	0.9x	0.7x	0.8x

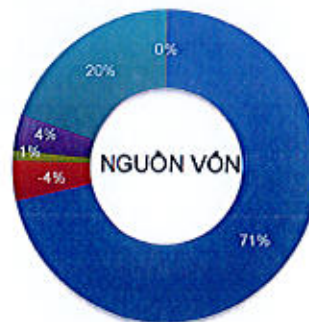
Doanh thu - Lợi nhuận (tỷ VND)



Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)

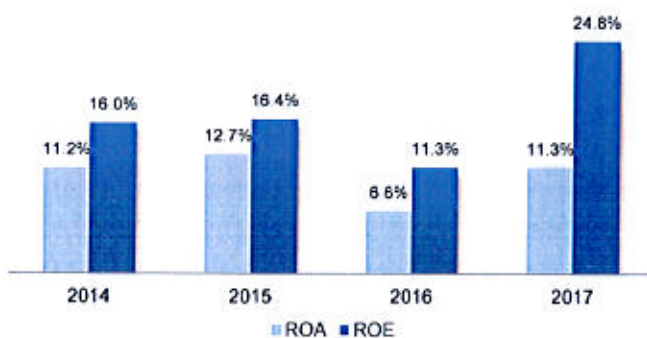


- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn
- Các khoản phải thu ngắn hạn
- Tài sản ngắn hạn khác
- Tài sản cố định
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn
- Tài sản dài hạn khác

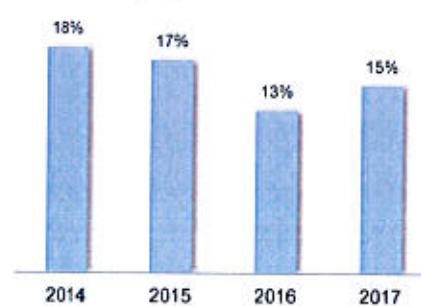


- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Cổ phiếu quỹ
- Quỹ dự phòng tài chính
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát

ROE- ROA



Tỷ lệ chi trả cổ tức



(Nguồn TVS)

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty Chứng khoán Thiên Việt (TVS) là một ngân hàng đầu tư Việt Nam độc lập với đầy đủ các chức năng hoạt động theo luật định. Chúng tôi tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực quốc tế và cam kết phục vụ các nhu cầu đa dạng của khách hàng. Các dịch vụ tài chính của TVS gồm có: Ngân hàng đầu tư (IB); Quản lý quỹ (TVAM); Hoạt động đầu tư; Dịch vụ chứng khoán; Nguồn vốn và kinh doanh tài chính; Phân tích.

Ngoài Trụ sở Tầng Tòa nhà TĐL tại 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, TVS còn có Chi Nhánh tại 63a Võ Văn Tần phường 6 Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động đầu tư:

Hội đồng đầu tư và đội ngũ đầu tư của TV(S đều có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư. Những nhân sự này đã xây dựng các DN riêng thành công, cũng như đã từng trải qua những giai đoạn khó khăn của nền kinh tế và biến động khó lường của TTCK. Ông Nguyễn Trung Hà là thành viên sáng lập của Tập đoàn FPT, Ngân hàng ACB và có nhiều kinh nghiệm đầu tư vào hơn 30 công ty trong nước khác. Bà Đinh Thị Hoa là thành viên sáng lập, Chủ tịch tập đoàn Galaxy, cũng là thành viên HĐQT của REE, ACB. Bà Bùi Thị Kim Oanh có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành quản lý quỹ... Bà Nguyễn Thanh Thảo có kinh nghiệm làm việc trực tiếp tại các thị trường lớn như Mỹ và Nga. Đội ngũ đầu tư trực tiếp có gần 10 năm kinh nghiệm đầu tư ở thị trường chứng khoán Việt Nam và làm việc cho các định chế tài chính lớn. Đầu tư ở mỗi thời kỳ mỗi khác, có những lúc kiếm tiền rất dễ và mất đi cũng rất dễ nhưng những người đã có nhiều kinh nghiệm trên thị trường, trải qua nhiều thăng trầm, sẽ hình thành được nguyên tắc đầu tư để bảo vệ tiền của NĐT và tăng trưởng trong dài hạn. Tham gia thị trường từ những ngày sơ khai, trải qua nhiều sóng gió, nên chúng tôi đã thiết lập các nguyên tắc đầu tư của riêng mình.

TVS đang đầu tư vào ba loại tài sản khác nhau bao gồm đầu tư vốn cổ phần công ty niêm yết, vốn cổ phần doanh nghiệp tư nhân và tài sản nợ. Trong 5 năm gần đây, danh mục đầu tư gần 1000 tỉ đồng do TVS quản lý đã đạt "tăng trưởng kép", với mức tăng trung bình hàng năm đạt 34%, gấp 1,8 lần so với VN-Index. TVS kiên định với chiến lược đầu tư giá trị, đầu tư vào các doanh nghiệp đầu ngành, các công ty mà TVS hiểu rõ và có kết quả kinh doanh khả quan. Rủi ro đầu tư được hạn chế qua việc TVS chỉ đầu tư vào các cổ phiếu có giá trị nền tảng tốt đang trong giai đoạn tăng trưởng nhằm tạo ra lợi nhuận ổn định cho cổ đông TVS. TVS tin tưởng đầu tư giá trị tiếp tục là chiến lược mang lại hiệu quả cao trong bối cảnh thị trường chứng khoán hiện tại. Điều quan trọng với TVS không chỉ ở lợi nhuận mỗi năm kiếm được bao nhiêu, mà còn là lợi nhuận được duy trì được trong bao lâu nhằm đảm bảo mức cổ tức cao và ổn định cho các cổ đông.

Ngân hàng đầu tư (IB)

Là bộ phận cốt lõi của TVS, chúng tôi cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ ngân hàng đầu tư:

- Tư vấn huy động vốn cổ phần, vốn nợ;
- Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp cho các khách hàng trong nước, tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Việt Nam cho các khách hàng nước ngoài (M&A)
- Tư vấn tái cấu trúc Doanh nghiệp
- IPO ở thị trường trong và ngoài nước;
- Bảo lãnh phát hành

Dịch vụ Ngân hàng đầu tư của TVS được cung cấp riêng biệt cho từng thương vụ cụ thể, cân nhắc đến chiến lược đặc thù của khách hàng và thông thường được bắt đầu bằng việc khảo sát cần trọng mô hình kinh doanh, qui mô hoạt động, cơ cấu vốn, nhu cầu phát triển và tình hình tài chính tổng thể của mỗi khách hàng. Với mỗi giai đoạn phát triển của doanh nghiệp khách hàng, TVS sẽ điều chỉnh và đưa ra dịch vụ Ngân hàng đầu tư và tư vấn tài chính phù hợp.

TVS đã thực hiện thành công 30 thương vụ với tổng giá trị khoảng 800 triệu USD tại Việt Nam.

Năm	Giá trị	Khách hàng	Nhà đầu tư	Mô tả thương vụ
2017	50 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành nông nghiệp
2017	12 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành hạ tầng
2016	5 triệu USD			Huy động vốn ngành giáo dục
2016	28 triệu USD			Huy động vốn ngành công nghệ
2016	20 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành truyền thông và giải trí
2015	13 triệu USD			M&A ngành dược phẩm
2015	91 triệu USD			M&A ngành hạ tầng
2015	30 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành hạ tầng
2014	15 triệu USD			M&A ngành nuôi trồng thủy sản
2014	13 triệu USD			M&A ngành vận tải
2014	22 triệu USD		 & others	Huy động vốn ngành bất động sản
2013	15 triệu USD			Huy động vốn ngành hạ tầng

Năm	Giá trị	Khách hàng	Nhà đầu tư	Mô tả thương vụ
2013	20 triệu USD			M&A ngành truyền thông và giải trí
2013	40 triệu USD			M&A ngành bất động sản
2013	5.75 triệu USD			Huy động vốn ngành công nghệ
2012	30 triệu USD			M&A ngành ngân hàng
2012	42 triệu USD			M&A ngành hạ tầng
2012	16 triệu USD	BTRC		M&A ngành hạ tầng
2011	41 triệu USD			M&A ngành hạ tầng
2011	184 triệu USD (theo công bố)			M&A ngành hàng tiêu dùng; giải thưởng "Thương vụ tốt nhất năm" từ tạp chí The Asset
2010	40 triệu USD			Huy động vốn ngành hạ tầng
2008	15 triệu USD			M&A ngành vật liệu xây dựng
2007	11 triệu USD			Huy động vốn ngành hàng tiêu dùng; Đầu tư đầu tiên của Goldman Sachs tại Việt Nam

Một số thương vụ nổi bật TVS đã thực hiện:

- Tư vấn cho Công ty Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CIH) huy động 40 triệu USD trái phiếu chuyển đổi từ Goldman Sachs Investment Partners, quỹ đầu tư được quản lý bởi Goldman Sachs;
- Tư vấn cho cổ đông Công ty Diana bán 95% cổ phần cho Tập đoàn Unicharm - Nhật Bản (thương vụ Diana - Unicharm với giá trị chuyển nhượng được công bố 184 triệu USD giành giải thưởng của The Asset Triple A Awards là "Thương Vụ Tốt Nhất Năm 2011 tại Việt Nam");
- Tư vấn cho cổ đông trong nước chuyển nhượng 49% cổ phần tại Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức cho Công ty Manila Water Inc. - Philippines với tổng giá trị chuyển nhượng trên 40 triệu USD.
- Tư vấn cho Công ty CP dịch vụ trực tuyến (MoMo) nhận đầu tư 28 triệu USD từ Standard Chartered Private Equity (SCPE) và Ngân hàng Đầu tư Toàn cầu Goldman Sachs

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt (TVAM)

TVS hiện đang nắm giữ 2.480.000 cổ phần tương đương 99,2% vốn tại Công ty con là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (TVAM). TVAM cung cấp dịch vụ:

- Quản lý các quỹ huy động trong và ngoài nước
- Quản lý danh mục đầu tư
- Tư vấn đầu tư

Trong năm 2016, TVAM đã huy động thành công và niêm yết trên sàn HOSE một Quỹ đóng mới, Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt – “TVGF” với tổng giá trị 150 tỷ đồng.

Trong Quý 4 năm 2017, TVAM đã tiến hành thủ tục huy động Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 – “TVGF2” với tổng giá trị 170 tỷ đồng và được cấp phép thành lập quỹ vào ngày 02/01/2018. TVAM đang quản lý và tư vấn đầu tư hơn 1.000 tỷ đồng cho TVS và khách hàng tổ chức và cá nhân khác. Nhu cầu dịch vụ quản lý đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư ngày càng cấp thiết khi thị trường chứng khoán ngày càng phát triển cả về quy mô lẫn độ phức tạp. TVS đã thử nghiệm thành công dịch vụ tư vấn đầu tư cho khách hàng VIP từ năm 2011 và đạt được những kết quả rất khả quan. Với đội ngũ và kinh nghiệm, TVS tin tưởng có thể mang lại lợi ích cho nhiều NĐT khác bằng cách nhân rộng mô hình này cho khách hàng thông qua TVAM.



Dịch vụ chứng khoán:

TVS cung cấp dịch vụ chứng khoán gồm môi giới chứng khoán, giao dịch ký quỹ cho khách hàng cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước. Ngay từ khi thành lập vào cuối năm 2016, TVS được định hướng chiến lược tập trung 80% nguồn lực để phát triển 2 lĩnh vực cốt lõi là hoạt động chính tư vấn (IB) và hoạt động tự doanh (PI). Chúng tôi đã luôn kiên trì với mục tiêu này trong suốt các giai đoạn thăng trầm của thị trường tài chính. Do vậy, mảng dịch vụ chứng khoán nghiêng về hỗ trợ cho hoạt động khác của TVS nên tỷ trọng đóng góp lợi nhuận trong tổng lợi nhuận của TVS chưa đáng kể.

Nguồn vốn và kinh doanh tài chính:

Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, giao dịch hoán đổi lãi suất và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác; Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của nhà đầu tư.

Khối phân tích:

Thực hiện các hoạt động phân tích, nghiên cứu, thu thập và xử lý các thông tin thị trường, đưa ra các báo cáo phân tích về thị trường, phân tích vĩ mô, phân tích theo ngành, phân tích chứng khoán và một số các phân tích đặc biệt khác phục vụ yêu cầu xây dựng chiến lược và cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư cho các khách hàng cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

Các sản phẩm của Phân tích bao gồm:

- Báo cáo chiến lược đầu tư
- Báo cáo kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối
- Báo cáo phân tích ngành, doanh nghiệp
- Bản tin thị trường định kỳ hàng ngày, tuần, tháng

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Vững vàng kiềng 3 chân: Ngân hàng đầu tư, hoạt động đầu tư và dịch vụ quản lý quỹ

Ngay từ khi thành lập, TVS đã tập trung chủ yếu nguồn lực cho hai mảng kinh doanh trụ cột là ngân hàng đầu tư và hoạt động đầu tư nhằm duy trì lợi nhuận bền vững cho cổ đông.

Đến nay, TVS đã tư vấn thành công 30 thương vụ huy động vốn và mua bán sáp nhập với tổng giá trị trên 800 triệu USD. Đội ngũ chuyên gia tư vấn của TVS có đủ năng lực để trình bày về Doanh nghiệp theo “ngôn ngữ” của nhà đầu tư, sao cho họ hiểu được toàn cảnh môi trường cạnh tranh trong ngành mà Doanh nghiệp đang hoạt động, chiến lược của Doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh đó, cũng như cách tổ chức hoạt động để Doanh nghiệp có thể thành công trong chiến lược cạnh tranh mà mình đặt ra. Ngoài ra, mạng lưới Nhà đầu tư danh tiếng, có tiềm lực tài chính mạnh rộng khắp mà TVS xây dựng được trong nhiều năm qua nhờ vào uy tín của mình, vốn am hiểu các tập quán đầu tư quốc tế, cũng như khả năng tìm ra giải pháp hài hòa cho cả Doanh nghiệp lẫn Nhà đầu tư. Thành quả lớn nhất mà TVS đạt được chính là sự hài lòng, tin tưởng mà khách hàng dành cho Công ty thể hiện qua việc hầu như tất cả khách hàng của TVS hiện nay đã sử dụng dịch vụ IB của TVS cho ít nhất 2 thương vụ huy động vốn, M&A liên tiếp của họ.

Đối với hoạt động đầu tư, Hội đồng quản trị của TVS có phương châm: “Tim kiếm lợi nhuận thay vì phòng tránh thua lỗ”, tất nhiên rủi ro sẽ cao hơn. Tuy nhiên, chúng tôi đã cân bằng bởi chiến lược tập trung đầu tư dựa trên các giá trị nền tảng có thể định lượng được của các DN hoạt động hiệu quả, thay vì đầu tư theo thị trường. Hiện nay, TVS thông qua TVAM đang quản lý hơn 1.000 tỷ vốn đầu tư bao gồm vốn đầu tư của TVS, quỹ TVGF và quản lý danh mục cho khách hàng. Mô hình CTCK + Công ty Quản lý Quỹ là một trong những mô hình hiệu quả và khá phổ biến trên thị trường tài chính hiện nay. Mô hình này giúp đa dạng hóa các loại hình dịch vụ của TVS nhằm tạo sự khác biệt với các công ty chứng khoán khác.

25/12/2017, đánh dấu chặng đường 11 năm thành lập và phát triển của TVS, 11 năm TVS đã luôn kiên trì với định hướng này trong suốt các giai đoạn thăng trầm của thị trường tài chính. Kết quả hoạt động trong năm 5 gần đây rất tốt với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu trung bình đạt 16,8%/năm, duy trì cổ tức ổn định ở mức cao trung bình đạt 15,8% cho cổ đông. Đặc biệt lợi nhuận sau thuế của TVS năm 2017 đạt rất cao ở mức 168 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận sau thuế đã thực hiện đạt 112 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 66%, tăng 26% so với lợi nhuận sau thuế năm 2016. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 24,7%, ROE cho phần lợi nhuận đã thực hiện đạt 16,5%.

Trong tương lai, TVS vẫn tiếp tục theo đuổi định hướng này với kiềng 3 chân ở 3 mảng Ngân hàng đầu tư, hoạt động đầu tư và dịch vụ quản lý quỹ thay vì đi tìm kiếm thị phần ở mảng môi giới mà TVS chưa có lợi thế cạnh tranh khác biệt.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

PHẦN II: HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2017

- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc
- Tình hình tài chính
- Quản trị rủi ro
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
- Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động Công ty
- Báo cáo Ban kiểm soát

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TRONG NĂM 2017 CỦA BAN GIÁM ĐỐC**Điều kiện kinh tế và tình hình thị trường chứng khoán**

TVS hoạt động trong lĩnh vực đầu tư các tài sản tài chính và các dịch vụ thị trường vốn; do vậy hoạt động kinh doanh TVS chịu nhiều ảnh hưởng bởi tiềm năng tăng trưởng kinh tế nói chung và thị trường tài chính nói riêng. Kết thúc năm 2017 kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực với mức tăng trưởng mạnh 6,81%, đây là mức cao nhất trong vòng 10 năm trở lại kể từ năm 2008, chủ yếu đến từ ngành công nghiệp và xây dựng tăng 8,0% (so với mức 7,57% năm 2016) và dịch vụ tăng 7,44% (so với mức 6,98% năm 2016). Kiểm soát lạm phát được duy trì ở mức thấp với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 2017 tăng 3,53% so với năm 2016, thấp hơn so với Quốc hội đề ra 4%. Mức lạm phát được kiểm chế sẽ là cơ sở cho chính sách tiền tệ nới lỏng, trong đó kỳ vọng chi phí lãi suất cho vay thấp; đây là điều tốt hơn cho các doanh nghiệp niêm yết nói riêng và nền kinh tế nói chung. Về thương mại, hoạt động xuất khẩu tiếp tục tăng 21%, đạt kim ngạch 213,9 tỷ đôla Mỹ; hoạt động nhập khẩu tăng 21,1%, đạt 211,3 tỷ đôla Mỹ; Việt Nam tiếp tục thặng dư thương mại 2,6 tỷ đôla Mỹ. Về tăng trưởng tín dụng, theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng trưởng tín dụng đạt 18,2% với chất lượng tín dụng được cải thiện. Ngoài ra các ngân hàng thương mại cũng tích cực xử lý nợ xấu làm tỷ lệ nợ xấu giảm ở dưới mức 3%.

Với nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, thị trường chứng khoán trong năm 2017 cũng đạt nhiều kết quả tích cực khi tiếp tục trở thành kênh thu hút vốn dài hạn. VNIndex cuối năm 2017 đóng cửa ở mức 984,24 điểm, tăng 48,25% và là mức tăng mạnh nhất kể từ năm 2013. Giá trị giao dịch trung bình ngày trên sàn HSX đạt ở mức 4.082 tỷ (tăng 68% so với mức 2.425 tỷ năm 2016). Việc thanh khoản tăng mạnh một phần đến từ dòng vốn nước ngoài (chủ yếu từ Hàn Quốc và Thái Lan) tham gia vào các đợt thoái vốn nhà nước (Sabeco) và IPO các công ty tư nhân (Vietjet Air, Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng, Vincom Retail). Tính đến cuối năm 2017, giá trị mua ròng của nhà đầu tư nước ngoài đạt mức kỷ lục với hơn 23.102 tỷ đồng. Tổng vốn hóa của thị trường niêm yết (không bao gồm thị trường Upcom) đạt hơn 124 tỷ USD (tăng 72% so với 72 tỷ USD năm 2016).

Kết quả hoạt động kinh doanh của TVS trong năm 2017

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1,613,073,403,895	1,361,144,072,174	19%
Doanh thu thuần	413,585,378,176	167,509,781,914	147%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	273,099,352,204	107,247,228,863	155%
Lợi nhuận khác	4,955,478,712	11,059,675,268	-55%
Lợi nhuận trước thuế	208,448,243,494	81,737,503,441	155%
Lợi nhuận sau thuế	168,017,919,807	66,833,489,961	151%

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán diễn biến khá thuận lợi trong năm 2017, hoạt động kinh doanh của TVS khởi sắc cả doanh thu lẫn lợi nhuận khi tăng trưởng 147% và 151% so với năm 2016. Tổng lợi nhuận sau thuế đã thực hiện năm 2017 đạt 111,5 tỷ đồng tăng 67% so với lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2016 và vượt kế hoạch kinh doanh 54%. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 24,8%, ROE cho phần lợi nhuận đã thực hiện đạt 16,5%.

Hoạt động kinh doanh của TVS tập trung 3 mảng chiến lược TVS, Ngân hàng đầu tư, đầu tư vốn và dịch vụ quản lý quỹ bên cạnh hoạt động môi giới và kinh doanh nguồn vốn. Mảng đầu tư và quản lý quỹ đóng góp 90% lợi nhuận trước thuế năm 2017

Kết quả kinh doanh theo từng Bộ phận

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Tư vấn tài chính	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý quỹ	Tổng cộng
	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND
Doanh thu thuần hoạt động KDCK	24.921.055	279.939.048	1.714.545	71.518.053	36.662.934	414.755.637
Các chi phí trực tiếp	(17.998.259)	(95.151.245)	(10.587.894)	(45.369.033)	(14.810.275)	(183.916.706)
Khấu hao và các chi phí phân bổ	(859.181)	(779.666)	(299.504)	(409.117)-	-	(1.850.673)
Thu nhập khác	-	-	11.164.650	-	-	11.164.650
KQKD bộ phận	6.063.615	184.008.137	(9.172.853)	25.739.903	21.852.659	228.4914.460
Chi phí chưa phân bổ						(20.043.216)
LN từ HĐKD trước thuế						208448243

Hoạt động đầu tư

Năm 2017, TVS vẫn tiếp tục duy trì được hoạt động đầu tư một cách hiệu quả và ổn định nhờ vào chiến lược đầu tư vào các công ty đầu ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt và chi trả lãi cổ tức cao. Tính riêng trong năm 2017, các khoản đầu tư đã đem về khoản lãi trước thuế đã chốt lãi hơn 113 tỷ đồng và hơn 7 tỷ từ cổ tức. Danh mục đầu tư TVS trung bình tăng 56% so với mức tăng 48,25% của VNIndex với một số cổ phiếu cơ bản chiếm tỷ trọng danh mục cao như ACB, FPT, REE, VJC, PNJ, MSN, MWG....

Hoạt động quản lý quỹ

Trong năm 2017, Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt – “TVGF”, quỹ đại chúng đầu tiên của TVAM với tổng giá trị tài sản 150 tỷ đồng đã đạt mức tăng trưởng ấn tượng 58.3%, đứng vị trí thứ 2 toàn thị trường. TVAM đã thu được 14.7 tỷ đồng phí quản lý và phí thưởng từ Quỹ TVGF cho năm 2017. Quỹ cũng đã thanh toán cổ tức năm đầu tiên 10% mệnh giá cho cổ đông vào tháng 11/2017. Ngoài ra, TVAM tiếp tục huy động thành công quỹ đại chúng thứ 2 – “TVGF2” trong tháng 12/2017 với tổng giá trị tài sản 170 tỷ đồng. Quỹ TVGF2 đã bắt đầu giãn ngân trong tháng 1/2018 và sẽ được niêm yết trên sàn HOSE trong Q2/2018.

Hoạt động ngân hàng đầu tư (IB)

Trong năm 2017, bộ phận tư vấn của TVS thực hiện thành công 2 thương vụ bao gồm một thương vụ M&A trong lĩnh vực chế biến nông sản và một thương vụ thoái vốn trong lĩnh vực hạ tầng. Tổng giá trị giao dịch của cả 2 thương vụ là gần 60 triệu USD.

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn của TVS khá tốt trong năm 2017 với doanh thu đạt 71 tỷ và lợi nhuận trước thuế đạt 25,7 tỷ lần lượt tăng 107% và 120% so với năm 2016. Nhờ đánh giá đúng xu hướng vận động tăng giảm lãi suất, TVS đã tăng vay vốn ngân hàng để tài trợ cho hoạt động kinh

doanh nguồn vốn. Ngoài tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, TVS đã đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trái phiếu Chính phủ và Doanh nghiệp trên thị trường thứ cấp.

Môi giới và dịch vụ chứng khoán

Thanh khoản trên thị trường chứng khoán năm 2017 đã tăng 66,4% với giá trị giao dịch đạt trung bình trên 5.100 tỷ/ngày. TVS hiện phân bổ 150 tỷ đồng cho hoạt động giao dịch ký quỹ với danh mục cho vay ký quỹ thận trọng đáp ứng tiêu chí Ủy ban chứng khoán cũng như tiêu chí riêng của TVS. Thêm vào đó, thị phần môi giới dưới 1%, doanh thu môi giới và dịch vụ ký quỹ TVS đạt 24,9 tỷ đồng tăng 9.2% so với năm 2016.

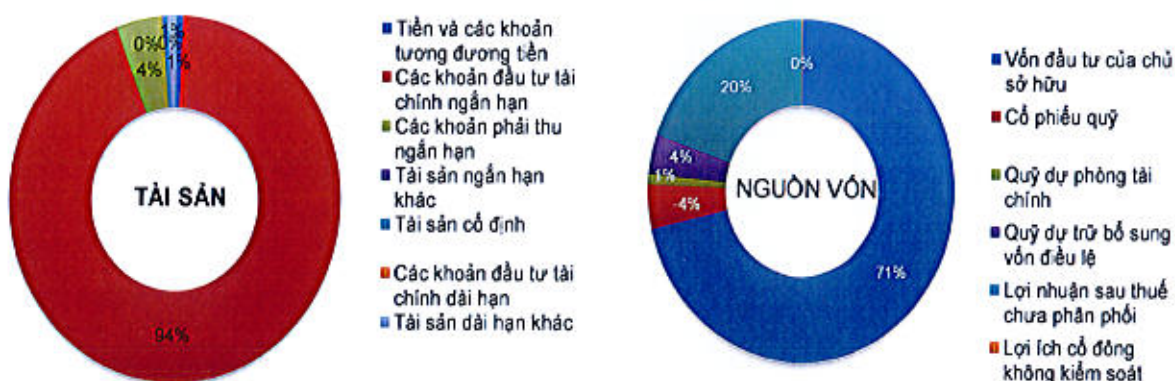
Công nghệ

Hệ thống CNTT tiên tiến, hiệu quả và có tính bảo mật cao là yếu tố quan trọng đối với các Công ty Chứng khoán. TVS luôn chủ động điều chỉnh bổ sung và tự nâng cấp các hệ thống liên quan đến bảo mật và an ninh thông tin trên cả hệ thống phần cứng và phần mềm ứng dụng bảo mật. Trong năm 2017 TVS, với việc vận hành ổn định hệ thống core giao dịch chứng khoán mới, hoạt động dịch vụ chứng khoán đã được chuẩn hóa trong quản lý, đảm bảo hoạt động hiệu quả và an toàn. Hạ tầng phần cứng, phần mềm hỗ trợ hoạt động cũng luôn được theo dõi, kiểm tra và nâng cấp định kỳ nhằm mục đích đảm bảo đáp ứng tốt những yêu cầu phát sinh từ các cơ quan quản lý và từ nhu cầu thị trường, đảm bảo cung cấp dịch vụ CNTT luôn thông suốt và hiệu quả.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của TVS đến thời điểm 31/12/2017 đạt 1.613 tỷ đồng tăng 19% so với năm 2016, tập trung 99% vào tài sản ngắn hạn. Năm 2017, TVS tiếp tục duy trì bảng cân đối tài sản vững mạnh với 85% tài sản tập trung ở tiền gửi kỳ hạn và đầu tư trên thị trường chứng khoán, rất nhanh chóng chuyển đổi thành tiền.



(Nguồn TVS)

Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2017, vốn chủ sở hữu đạt 745 tỷ đồng tăng 22% so với năm 2016 và chiếm 46% tổng nguồn vốn. Vốn chủ sở hữu gia tăng đều đặn qua các năm chủ yếu do TVS bổ sung từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối mà chưa dùng đến phát hành thêm cổ phiếu kể từ năm 2008 đến nay.

Hoạt động đầu tư của TVS được tài trợ bởi vốn tự có, năm 2016 và 2017 TVS đã gia tăng vay nợ ngắn hạn nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh nguồn vốn.

Tại thời điểm 31/12/2017, nợ phải trả là 868 tỷ đồng (tăng 16% so với năm 2016) và chiếm 54% tổng nguồn vốn. Nợ vay ngắn hạn 802 tỷ đồng, tăng 26% nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng tài sản của TVS do tất cả khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi. TVS sử dụng đòn cân nợ để gia tăng lợi nhuận cho TVS thông qua hoạt động kinh doanh nguồn vốn nhưng vẫn đảm bảo những chỉ số nằm dưới ngưỡng quy định an toàn cho ngành chứng khoán với: tỷ lệ an toàn tài chính đạt 300% cao hơn 1,6 lần so với mức quy định; hệ số thanh toán ngắn hạn là 1.86 lần; nợ ngắn hạn chiếm 54% tài sản ngắn hạn, đảm bảo quy định vay nợ ngắn hạn của Công ty chứng khoán không vượt quá 1 lần tài sản ngắn hạn.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.86	1.78
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.86	1.78
Hệ số thanh toán nhanh		
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	1.86	1.78
Nợ ngắn hạn		
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.50	0.47
Hệ số phải trả/Tổng tài sản	0.54	0.55
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.08	1.04
Hệ số phải trả/Vốn chủ sở hữu	1.16	1.23
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.26	0.12
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	41%	40%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	22.5%	11.0%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	11.3%	6.6%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	66%	64%

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty có 1 công ty con với các thông tin như sau:

- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt (TVAM)
- Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP.HCM
- Vốn điều lệ: 25 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 99,2%
- Lĩnh vực hoạt động chính: Quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư
- Doanh thu TVAM năm 2017 đạt 34 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế đạt 16 tỷ đồng, lần lượt tăng 36% và 107% so với năm 2016
- Hiện TVAM đang quản lý quỹ đóng TVGF niêm yết trên Hose và tiến hành thủ tục niêm yết lên Hose quỹ đóng TVGF2

QUẢN TRỊ RỦI RO

Hội đồng quản trị TVS rất chú trọng công tác quản trị rủi ro và TVS đã xây dựng khung quản trị rủi ro cũng như ý thức quản trị rủi ro từ cấp cao nhất thuộc Hội đồng quản trị đến Ban điều hành, các phòng ban và đến từng nhân viên.

TVS xây dựng một cấu trúc quản trị rủi ro 3 lớp phòng thủ:

- Lớp nghiệp vụ kinh doanh: Dựa trên hạn mức rủi ro mà HĐQT quyết định cho từng bộ phận kinh doanh cũng như các hạn mức phê duyệt, các trường bộ phận điều hành hoạt động hằng ngày theo hạn mức được cấp
- Lớp Ban điều hành, bộ phận QTRR sẽ quản lý các vấn đề tuân thủ, kiểm soát nội bộ, pháp lý, các vấn đề trong kế toán, các sự cố lớn.
- Lớp HĐQT, Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ sẽ đánh giá về quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán các quy trình bộ phận kinh doanh để đảm bảo quy trình chính tồn tại và hoạt động hiệu quả. Ngoài ra, kiểm toán độc lập cũng đánh giá quy trình có ảnh hưởng tài chính chủ yếu rủi ro tuân thủ.

Dựa trên hạn mức rủi ro HĐQT đã phê duyệt cho từng nghiệp vụ kinh doanh: Bộ phận QTRR sẽ giám sát số lần vượt hạn mức rủi ro, hạn mức phê duyệt hiệu quả hoạt động như thế nào, có ảnh hưởng đến hoạt động thông thường của phòng ban hay không. Các bộ phận kinh doanh phối hợp với bộ phận quản trị rủi ro nhận diện, đo lường và đánh giá rủi ro phát sinh tại bộ phận. Định kỳ hằng năm bộ phận rủi ro tổ chức cho Ban điều hành và các phòng ban rà soát, đánh giá lại danh mục rủi ro, tập trung lên kế hoạch hành động đối với những những rủi ro trọng yếu có thể tác động đến tài chính hoặc danh tiếng của TVS

Danh mục rủi ro trọng yếu

Rủi ro thị trường

Đối với Công ty chứng khoán biến động giá cổ phiếu tác động rất lớn đến hoạt động đầu tư. Gần 70% vốn chủ sở hữu của TVS phân bổ cho hoạt động đầu tư trong đó 2/3 nguồn vốn đầu tư vào cổ phiếu niêm yết. Do đó việc biến động giá cổ phiếu tác động rất lớn đến lợi nhuận của TVS. Rủi ro đầu tư được hạn chế qua việc TVS chỉ đầu tư vào các cổ phiếu có giá trị nền tảng tốt đang trong giai đoạn tăng trưởng nhằm tạo ra lợi nhuận ổn định cho cổ đông TVS. Ngoài ra, TVS đã phân cấp quyền ra quyết định đầu tư theo nhiều cấp dựa trên hạn mức rủi ro được chấp nhận cho hoạt động đầu tư. Khối Quản lý Rủi ro giám sát các kiểm soát đối với việc phê duyệt đầu tư và quản lý vị thế cốt lõi thông qua chế độ báo cáo hàng ngày, tuần, tháng.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro Tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính do khách hàng hoặc đối tác không có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đối với TVS. Đây là rủi ro trọng yếu phát sinh chủ yếu trong hoạt động Cho vay Ký quỹ và là kết quả từ việc thanh toán giao dịch thay mặt cho khách hàng. TVS phân cấp quyền ra

quyết định dư nợ cho vay đối với 1 cổ phiếu, 1 khách hàng. Cho vay Ký quỹ chỉ được phép thực hiện với các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí mà Ban điều hành đã phê duyệt và có tính thanh khoản.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động của công ty chứng khoán bị điều chỉnh trực tiếp bởi hệ thống các văn bản pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ ngành và các cơ quan chức năng liên quan. Do chứng khoán là một lĩnh vực mới ở Việt Nam nên hệ thống luật còn đang được thay đổi, bổ sung và hoàn thiện, nên sẽ luôn có tiềm ẩn rủi ro liên quan đến sự thay đổi, điều chỉnh các văn bản luật về lĩnh vực chứng khoán, còn tồn tại những rủi ro khác liên quan đến việc thiếu tính đồng bộ và nhất quán giữa Luật chứng khoán và các luật liên quan làm ảnh hưởng đến hoạt động của Cty. Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động kinh doanh của Công ty. Rủi ro xảy ra nếu TVS không phát hiện và ngăn chặn những rủi ro pháp lý gây ra bởi công ty và các sản phẩm, dịch vụ được cung cấp bởi TVS, cũng như các nhà cung cấp, thông qua việc không tuân thủ văn bản hướng dẫn và các quy định. TVS hạn chế rủi ro này bằng cách tăng cường đối thoại với cơ quan quản lý

Rủi ro hoạt động

- **Rủi ro trong hoạt động dịch vụ môi giới khách hàng**

Rủi ro có thể xảy ra tại bất cứ khâu nào của các mảng hoạt động, như sai sót trong hoạt động môi giới khi thực hiện lệnh cho khách hàng; hay trong các giao dịch với các đối tác gây ra thiệt hại mà Công ty phải bồi thường, hoặc những gian lận của cán bộ nhân viên gây thiệt hại cho Công ty; rủi ro hạ tầng thông tin không ổn định.

Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động này, TVS luôn tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản trị rủi ro và đồng thời công ty thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn nội bộ để nâng cao trình độ nghiệp vụ của nhân viên môi giới.

- **Rủi ro trong Hoạt động đầu tư vốn**

Đây là những rủi ro cá biệt liên quan đến danh mục đầu tư của Công ty sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong hoạt động tự doanh, nếu thận trọng quá, đôi khi mất cơ hội, ngược lại nếu không tìm hiểu, phân tích kỹ, có thể mắc sai lầm do đầu tư vào cổ phiếu của doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả, không có triển vọng, trong trường hợp này, Công ty có thể phải chịu rủi ro lớn, ảnh hưởng đến an toàn vốn. Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động này, TVS đã đa dạng hóa danh mục đầu tư và có đội ngũ chuyên phân tích đánh giá cổ phiếu trước khi đầu tư.

- **Rủi ro nguồn nhân lực**

Trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, nhân tố con người có vai trò quyết định. Chứng khoán lại là một ngành kinh doanh mới nên nguồn nhân lực có năng lực và kinh nghiệm còn rất thiếu. Do đó, khi có biến động nhân sự cấp cao hoặc thực hiện các dự án kinh doanh mới, Công ty có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nhân sự đủ tài năng, kinh nghiệm và nhân cách để đảm đương vai trò tại Công ty. Để thu hút được người lao động và nhân tài trong ngành chứng khoán, TVS đã luôn duy trì chính sách trả lương và thưởng tương đối cao so với các công ty chứng khoán khác trong ngành và luôn tạo mọi điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ công nhân viên Công ty.

- **Rủi ro về khả năng đáp ứng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cập nhật nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng các thay đổi từ các cơ quan quản lý**

Một yêu cầu thiết yếu để thực hiện được lệnh giao dịch chứng khoán cho khách hàng một cách tiện lợi, nhanh chóng và kịp thời là hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật phải luôn được duy trì kết nối với các SGDCK. Trường hợp kết nối này bị gián đoạn hoặc không thực hiện được kết nối với các SGDCK, giao dịch sẽ không thực hiện được có thể gây thiệt hại cho khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường các thiệt hại này. Hơn nữa, trong trường hợp này Công ty sẽ bị mất uy tín với khách hàng và trên thị trường nên khách hàng hiện tại có thể rời bỏ công ty, cũng như việc thu hút khách hàng mới sẽ rất khó khăn. Việc bị ngắt quãng kết nối hoặc không kết nối được có thể do SGDCK và các cơ quan quản lý thay đổi, nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hoặc

SGDCK và cơ quan quản lý triển khai các sản phẩm, phần mềm mới mà hệ thống hạ tầng hiện tại của Công ty không hoặc chưa đáp ứng hoặc tương thích được ngay lập tức.

Để dự phòng và ứng phó với loại rủi ro này, TVS luôn chủ động theo dõi bám sát các thông tin liên quan đến những kế hoạch nâng cấp phát triển hệ thống từ các cơ quan quản lý nhà nước (UBCKNN, TTLK, các SGDCK...) để xây dựng các kế hoạch sẵn sàng đáp ứng hệ thống. TVS luôn thực hiện các cập nhật hệ thống chính xác và đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật cũng như quy trình tuân thủ của cơ quan quản lý nhà nước.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trong năm qua, Công ty tuân thủ và không bị xử phạt vi phạm pháp luật về môi trường. TVS rất chú trọng hoạt động hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng, TVS đã có các hoạt động như sau:

- TVS kết hợp với đoàn từ thiện của tòa nhà TĐL xây dựng phòng học, phòng giáo vụ và khu vực vệ sinh cho điểm trường Hán Khúa và Chế Cu Nhê tại huyện nghèo Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.
- Hội đồng quản trị, Ban điều hành và nhân viên TVS thăm và tặng quà trị giá 260.000.000 đồng cho người dân và học sinh chịu ảnh hưởng cơn bão số 12 tại xã Ninh Phụng, Ninh Sim, Ninh Thân và Ninh Hà, Thị Xã Ninh Hòa, Khánh Hòa

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lao động trung bình trong năm là 59 người (tại 31/12/2016 TVS có 57 Nhân viên), với thu nhập tiền lương bình quân 23,1 triệu đồng/người/tháng.

Ban lãnh đạo Công ty luôn xem con người là nguồn lực quan trọng nhất. Do vậy, các chính sách nhân sự của Công ty được xây dựng nhằm quan tâm toàn diện tới người lao động, khuyến khích người lao động phát huy tinh sáng tạo và thể mạnh của mỗi cá nhân. Xây dựng các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- *Môi trường làm việc:*

Người lao động tại TVS làm việc trong một môi trường làm việc tiêu chuẩn, được trang bị đầy đủ trang thiết bị như máy tính cá nhân, điện thoại và các trang thiết bị khác phục vụ yêu cầu công việc.

Thời gian làm việc tại TVS là 05 ngày/tuần, từ thứ hai đến thứ sáu. Thời gian làm việc nghỉ ngơi phù hợp theo quy định của Bộ Luật lao động.

Ngoài ra, môi trường làm việc tại TVS được cán bộ nhân viên đánh giá là thân thiện, hoà đồng và gần gũi. Đây cũng là một trong những yếu tố khiến người lao động tại TVS gắn bó với Công ty, số lượng nhân viên làm việc tại TVS với hơn 5 năm thâm niên chiếm tỷ lệ trên 70%.

- *Chính sách lương, thưởng, phụ cấp*

Chính sách lương, khen thưởng và phúc lợi được ban hành theo quy định của Bộ Luật lao động và tình hình hoạt động thực tế của Công ty theo tiêu chí công bằng, minh bạch.

Ngoài khoản lương cơ bản cố định, Công ty còn xây dựng chính sách lương kinh doanh được trả hàng tháng/quý/năm. Mức lương kinh doanh được xác định theo quy chế và phụ thuộc vào tình hình kinh doanh thực tế trong tháng của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng chính sách phụ cấp như: phụ cấp ăn trưa, phụ cấp điện thoại, tàu xe... nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động.

- *Chăm sóc toàn diện người lao động*

Nhằm chăm sóc toàn diện cho cán bộ nhân viên Công ty, bên cạnh việc tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định, Công ty còn mua thêm bảo hiểm "Kết hợp tai nạn con người và chăm sóc sức khoẻ" dành cho người lao động. Tham gia bảo hiểm này, người lao động có thể khám chữa bệnh ngoại trú, được thăm khám tại các cơ sở y tế hàng đầu tại Việt Nam, tạo cho người lao động sự yên tâm, tập trung vào công tác.

Ngoài ra, để gắn kết các cán bộ nhân viên trong Công ty, hàng năm, TVS có tổ chức các chương trình giao lưu như Tiệc gia đình, chương trình nghỉ mát thường niên..., để các thành viên trong Công ty cùng gia đình có cơ hội gặp mặt, chia sẻ, quan tâm lẫn nhau. Các chương trình này đã thực sự là cầu nối đưa mọi người lại gần nhau hơn.

- **Chính sách đào tạo**

Ban lãnh đạo TVS rất quan tâm tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Các nhân viên mới gia nhập TVS được hướng dẫn, đào tạo rất tận tình các kiến thức chuyên môn cũng như các kỹ năng làm việc, kỹ năng sử dụng hệ thống kỹ thuật tại TVS.

Hàng năm, TVS dành một ngân sách nhất định để hỗ trợ cho các nhân viên nòng cốt tham dự các khoá đào tạo nâng cao về chuyên môn, quản lý tại các tổ chức trong nước và quốc tế như:

- o Nhân viên TVS được hỗ trợ theo các khóa học do Trung tâm đào tạo của UBCK tổ chức.
- o Tham gia khóa đào tạo chuyên môn về kiểm toán, công nghệ thông tin
- o Được hỗ trợ thi lấy chứng chỉ ACCA, CFA,...

MỘT CỘT HẠNH

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán

Năm 2017 tiếp tục là một năm thành công cho nền kinh tế toàn cầu và không nằm ngoài xu thế, nền kinh tế Việt Nam nói riêng đã có những bước tiến vững chắc. GDP tăng trưởng đạt 6,8%, lạm phát được kiểm soát dưới 4% và mặt bằng lãi suất cho vay tiếp tục có một năm dao động quanh mức 8-9%. Những yếu tố trên cộng với việc tăng trưởng tín dụng ở mức 19% đã góp phần hỗ trợ rất lớn cho sản xuất, bất động sản và thị trường chứng khoán. Thị trường chứng khoán Việt Nam đã tăng 48,25% trong năm 2017 và trở thành một trong những chỉ số có mức tăng trưởng ấn tượng nhất thế giới. Thanh khoản thị trường đã tăng 66,4% đạt trên 5.100 tỷ/ngày trong khi vốn mua ròng của khối ngoại đã đạt 1,1 tỷ USD trong năm 2017. Định giá của thị trường cũng đang ở mức cao nhất sau giai đoạn khủng hoảng khi P/E tăng từ mức 16,4 lần năm 2016 lên mức 19,3 lần năm 2017, vượt mức 17 lần của SET Index (Thái Lan), nhưng vẫn thấp hơn mức 23 lần của chỉ số PCOMP (Philippines). Mức P/E cao này phản ánh kỳ vọng của thị trường vào khả năng tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp trong những năm tiếp theo.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động kinh doanh: Lợi nhuận sau thuế TVS đạt 168 tỷ đồng

Trong bối cảnh thuận lợi chung, kết quả hoạt động kinh doanh của TVS rất khả quan với tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận năm 2017 ở mức 147% và 155%, gấp 3 lần mức tăng trưởng của VNIndex, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 24,8%.

- Mảng đầu tư vốn của TVS (quản lý quỹ, tự doanh) đã tận dụng rất tốt các cơ hội trên thị trường để hiện thực hóa lợi nhuận cao cho TVS và nhà đầu tư với tỷ suất đầu tư trung bình năm 2017 đạt 57% và đóng góp chính vào kết quả kinh doanh TVS năm 2017.
- Bộ phận IB với đặc thù riêng TVS chỉ thu phí sau khi thương vụ đã thành công, thời điểm ghi nhận doanh thu của một thương vụ đã rơi vào Q1/2018 nên năm 2017 bộ phận IB chưa đạt kế hoạch đề ra.
- Đánh giá tốt biến động thị trường trái phiếu chính phủ và lãi suất tiền gửi ngân hàng, Hội đồng quản trị đã đồng ý để Ban điều hành vay vốn ngắn hạn ngân hàng với tỷ trọng khoảng 47% tổng tài sản trong 2 năm gần đây để tài trợ cho hoạt động kinh doanh nguồn vốn. Mảng kinh doanh này hoạt động khá hiệu quả khi đóng góp 11% lợi nhuận trước thuế cho TVS trong 2 năm qua.

Bảng: Lợi nhuận trước thuế từng bộ phận

Tỷ đồng	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Tư vấn tài chính	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý quỹ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	24.92	279.93	1.71	71.5	36.66	414.75
Chi phí hoạt động	(18.86)	(95.93)	(10.89)	(45.78)	(14.81)	(186.26)
Lợi nhuận trước thuế	6.06	184.00	(9.17)	25.74	21.85	228.49

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

HĐQT kết hợp chặt chẽ với BKS và thông qua kiểm toán nội bộ để nắm rõ tình hình hoạt động của công ty, để từ đó có những kiến nghị thiết thực hỗ trợ TGD và Ban điều hành hoàn thành tốt các trách nhiệm được giao. Căn cứ theo Điều lệ, những quy chế, quy định, phân công phân nhiệm đã ban hành, HĐQT giao quyền cho Ban Giám Đốc quyết định công việc kinh doanh hằng ngày đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao cho. HĐQT nhận định Ban Giám Đốc trong năm qua đã hoàn thành tốt

trách nhiệm điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý của luật Chứng khoán và luật Doanh nghiệp cũng như trong khuôn khổ điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Kế hoạch kinh doanh năm 2018: Lợi nhuận sau thuế đạt 131,4 (Một trăm ba mươi mốt phẩy bốn) tỷ đồng

Năm 2018, với kế hoạch tăng trưởng GDP trên 6.5% cũng như nhiệm vụ giảm lãi suất đang được thực hiện quyết tâm trong suốt nhiệm kỳ chính phủ của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thì TVS cho rằng đây vẫn sẽ tiếp tục là một năm thuận lợi cho thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngoài ra, việc tăng trưởng lợi nhuận tốt của các doanh nghiệp cũng như việc lạm phát thấp và tỷ giá đồng VND ổn định sẽ là những yếu tố quan trọng để hỗ trợ cho sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán. Thêm vào đó với việc trở thành kênh đầu tư hấp dẫn nhất hiện nay, TVS dự báo thị trường chứng khoán có thể tăng trưởng trên 15% trong năm nay.

- Đầu tư vốn (PI), Quản lý Quỹ tiếp tục là trụ cột tăng trưởng của TVS trong năm 2018. Các ngành mà TVS dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt trong năm nay là tiêu dùng, tài chính, ngân hàng và bất động sản... Trước tình hình đó, danh mục đầu tư hiện tại của TVS và 2 quỹ TVGF1, TVGF2 cũng đã được phân bổ vào các doanh nghiệp đầu ngành, tăng trưởng ổn định của các ngành trên nhằm nắm bắt các cơ hội được dự báo sẽ tiếp tục xuất hiện trong năm 2018. TVS dự kiến danh mục đầu tư của TVS và các quỹ TVAM đang quản lý sẽ tiếp tục tăng trưởng 15% - 20% trong năm 2018.
- Năm 2018, bộ phận IB dự kiến thực hiện 7 thương vụ với tổng giá trị giao dịch dự kiến là 295 triệu USD, trong đó dự kiến hoàn thành 4 thương vụ với tổng giá trị giao dịch 193 triệu USD và ghi nhận 56 tỷ VND doanh thu. Ba dự án còn lại có tổng giá trị giao dịch 102 triệu USD dự kiến hoàn thành và ghi nhận doanh thu trong nửa đầu năm 2019.
- HĐQT và BDH đánh giá diễn biến lãi suất năm 2018 vẫn thuận lợi cho hoạt động kinh doanh nguồn vốn, TVS tiếp tục duy trì nợ vay ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động này. Nếu thị trường diễn biến thuận lợi, HĐQT TVS có thể phát hành trái phiếu để gia tăng hiệu quả hoạt động.
- Bộ phận Môi giới sẽ tiếp tục kế hoạch phát triển khách hàng VIP, (thực hiện mô hình boutique broker house), tập trung vào chất lượng tài sản, giá trị tài sản quản lý (asset under management), chứ không đặt trọng tâm vào giá trị giao dịch. Ngoài ra, TVS cũng sẽ tiếp tục triển khai tìm kiếm khách hàng là các công ty quản lý quỹ tầm trung và nhỏ, hoàn thiện báo cáo tuần về tư vấn danh mục đầu tư và lấy đó làm bài đăng lên trang facebook của TVS lấy đó làm kênh thông tin, marketing chính nhất để giao lưu với các nhà đầu tư và quảng bá thương hiệu TVS.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2017, Ban Kiểm soát đã có các hoạt động kiểm tra giám sát sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Xem xét các báo cáo tài chính và báo cáo an toàn tài chính theo quý, báo cáo soát xét bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán của TVS. Phỏng vấn kế toán trưởng Công ty về các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính và chính sách kế toán của Công ty. Xem xét thư quản lý của Công ty kiểm toán EY.
- Giám sát việc công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo tính minh bạch trong việc công bố thông tin nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông
- Đại diện BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu để nắm tình hình hoạt động của Công ty cũng như tham gia đóng góp ý kiến.
- Tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2017
- BKS đã tiến hành 03 (ba) cuộc họp để xác định công việc trong năm; họp đánh giá kết quả làm việc với bộ phận nghiệp vụ TVS; họp đánh giá kết quả hoạt động trong năm cũng như xem xét các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ban điều hành và Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, các thành viên BKS thường xuyên trao đổi công việc qua email, điện thoại để giải quyết công việc.
- BKS đã tiến hành kiểm tra việc vận hành quy trình kế toán nghiệp vụ margin; Kiểm tra việc vận hành quy trình kế toán nghiệp vụ thu chi tiền; Kiểm tra việc vận hành quy trình nghiệp vụ mua sắm Tài sản cố định; Kiểm tra hoạt động vay vốn có tuân thủ quy định pháp luật, theo Điều lệ và Quy chế tài chính của TVS; Hoạt động kinh doanh nguồn vốn (chính sách, quy trình và vận hành).
- Ngoài ra, BKS thẩm tra Báo cáo tài chính 6 tháng và 1 năm đã kiểm toán, Xem xét việc tuân thủ quy định hạn mức đầu tư của Công ty chứng khoán theo thông tư 210/2012/TT-BTC, tuân thủ tỷ lệ an toàn tài chính. Xem xét thư khuyến nghị của Công ty kiểm toán
- Trưởng Ban Kiểm Soát thường xuyên trao đổi với Tổng Giám Đốc về hoạt động Công ty cũng như hoạt động quản trị điều hành.
- Giám sát ý kiến/ khiếu nại của cổ đông thông qua email bankiemsoat@tvs.vn

2. Kết quả giám sát và kiểm tra năm 2017

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Cty và thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ

- Tổ chức triển khai nghị quyết số 01/NQ_ĐHCĐ.2017 như sau:
 - Chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt 600 đồng/cổ phiếu với tổng số tiền chi trả 29.615.253.600 VNĐ và phát hành 4.441.535 cổ phiếu để chi trả cổ tức theo tỷ lệ 100:7, và cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 100:02
 - Đã thực hiện trích lập 5% lợi nhuận sau thuế năm 2016 cho các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, Quỹ khen thưởng phúc lợi.
 - Chi thù lao cho HĐQT là 1.050 triệu đồng và BKS là 240 triệu đồng trong năm 2017 theo ngân sách đã ĐHCĐ được phê duyệt
- Công bố thông tin: Trong năm 2017, TVS đã công bố báo cáo định kỳ như báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo khác được công bố thông tin đúng thời hạn. Cán bộ quản lý, cổ đông nội bộ đều công bố thông tin đúng quy định khi giao dịch cổ phiếu TVS.

Công tác Quản trị điều hành

Hội đồng quản trị : Ban Kiểm Soát nhận định HĐQT trong năm qua đã hoàn thành tốt trách nhiệm điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý của luật Chứng khoán và luật Doanh nghiệp cũng như trong khuôn khổ điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội cổ đông. Cụ thể

- HĐQT đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 theo đúng quy định
- HĐQT đã duy trì các phiên họp thường kỳ, đột xuất để quản lý và chỉ đạo hoạt động của TVS. Số phiên họp của Hội đồng quản trị đảm bảo quy định tối thiểu mỗi quý 1 lần theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty. Số thành viên dự họp đảm bảo theo đúng quy định, việc thảo luận và biểu quyết đảm bảo công khai.
- HĐQT đã ban hành nhiều nghị quyết liên quan đến hoạt động kinh doanh và nguồn vốn Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của HĐQT. Nghị quyết HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Trong năm qua, BKS không phát hiện các trường hợp bất thường nào gây thiệt hại cho cổ đông của thành viên HĐQT.

Ban điều hành: Ban Kiểm Soát nhận định BDH đã triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đầy đủ, kịp thời theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được qui định trong điều lệ TVS.

- Ban điều hành tuân thủ hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt đặc biệt trong hoạt động đầu tư vốn và giao dịch ký quỹ nhiều cạnh tranh và rủi ro.
- Trong năm 2017, Ban điều hành đã quản lý hoạt động kinh doanh rất tốt với lợi nhuận sau thuế đạt 168 tỷ đồng, cao nhất trong 10 năm thành lập và không để xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến tài chính và danh tiếng TVS. Ban Kiểm Soát không phát hiện sự cố hay vi phạm nào ảnh hưởng đến hoạt động, tài chính của TVS.
- Trong năm 2017, BKS nhận thấy BDH TVS có nỗ lực tăng cường công tác truyền thông giúp một số nhà đầu tư hiểu rõ hơn đặc thù của mô hình kinh doanh của TVS và tiềm năng phát triển trong tương lai. Ví dụ trong năm 2017, BDH có chủ động gặp gỡ một số nhà đầu tư tiềm năng quan tâm đến TVS. Tuy nhiên, giá cổ phiếu của TVS (không bao gồm cả cổ tức bằng tiền) chỉ tăng 27,2% trong năm 2017, rất thấp so với tăng trưởng của thị trường (VNIndex 48%) hay của những công ty chứng khoán đầu ngành (ví dụ SSI: 48%, HSC 121%, VCI: 57%, VNDS: 101%, v.v.). Do vậy trong năm 2018, BDH cần tăng tốc đáng kể công tác truyền thông với các nhà đầu tư cốt lõi
- Trưởng Ban Kiểm Soát thường xuyên trao đổi với Tổng Giám Đốc và Ban điều hành, đưa ra kiến nghị những thay đổi cần thiết để nâng cao chất lượng Quản trị doanh nghiệp tại TVS. Trong đợt kiểm tra định kỳ, BKS đã có những đóng góp về chính sách, quy trình và vận hành trong hoạt động kinh doanh nguồn vốn.

Tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2017

- Trong bối cảnh thị trường chứng khoán diễn biến rất thuận lợi trong năm 2017 (VNIndex tăng 48% và HNIIndex tăng 45.8%), kết quả hoạt động kinh doanh của TVS rất khả quan với tốc độ tăng trưởng của doanh thu và lợi nhuận trong năm 2017 gấp 3 lần thị trường.
- Kết quả vượt bậc của năm 2017 khẳng định vai trò cốt lõi và vững chắc của nghiệp vụ đầu tư của TVS (quản lý quỹ, tự doanh, kinh doanh nguồn vốn, v.v.), đóng góp đại đa phần lợi nhuận trước thuế trong năm 2017. Hoạt động kinh doanh này sẽ là một trong hai cỗ máy tăng trưởng trụ cột rất tốt của TVS trong tương lai
- Hoạt động ngân hàng đầu tư (IB), ngành cốt lõi thứ hai của TVS, cần củng cố và hoàn chỉnh lại danh mục khách hàng và đề án để khắc phục bản chất khả biến vốn dĩ đặc thù của ngành. Như vậy doanh thu và lợi nhuận của ngành qua các năm sẽ không có những

biên độ giao động mạnh như hiện nay. Ổn định kết quả kinh doanh là một trong những thách thức lớn đặc thù của ngành.

- Bộ phận kinh doanh nguồn vốn hoạt động khá hiệu quả trong năm qua. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro khi phát triển hoạt động này TVS cần xây dựng chính sách và quy trình vận hành hoạt động kinh doanh nguồn vốn, phỏng theo cách đã thực hiện cho hoạt động đầu tư.

Công tác kế toán và tình hình tài chính của công ty

- Năm 2017, TVS tiếp tục gia tăng nợ vay ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh nguồn vốn. Chủ yếu TVS tập trung vào việc kinh doanh trái phiếu trên thị trường thứ cấp ngoài hoạt động tiền gửi, Việc tăng nợ vay ngắn hạn của TVS vẫn đảm bảo những chỉ số nằm dưới những giới hạn quy định an toàn cho ngành chứng khoán:
 - Nợ vay ngắn hạn chiếm 49,7% tổng tài sản, gấp 1,07 lần vốn chủ sở hữu (rất thấp so với quy định hạn chế vay nợ Công ty chứng khoán không được quá 3 lần vốn chủ sở hữu).
 - Nợ ngắn hạn chiếm 54% tài sản ngắn hạn (khá thấp so với quy định giới hạn nợ ngắn hạn Công ty chứng khoán không vượt quá 1 lần tài sản ngắn hạn)
 - Tỷ lệ an toàn tài chính đạt 300% cao hơn 1,6 lần mức quy định pháp luật (180% theo TT 226/2010/TT-BTC (31/12/2010))
- Công ty đã tuân thủ theo các qui định về hạn chế đầu tư, đầu tư tài sản cố định, và hạn mức vay theo TT 210/2012/TT-BTC (30/11/2012).
- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.
- Công ty đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng rủi ro cho TVS. Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước, trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định pháp luật.
- Ban Kiểm Soát đồng thuận với số liệu trong báo cáo tài chính năm 2017 được TVS lập, kiểm toán bởi công ty EY và xác định các số liệu tài chính được đưa ra trong báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của TVS.

3. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BDH và cổ đông

- Trong năm 2017, BDH và các bộ phận nghiệp vụ đã cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho BKS được tiếp cận với tài liệu để kiểm tra, giám sát kịp thời nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.
- Kết quả giải quyết các kiến nghị của cổ đông đối với Công ty: Trong năm 2017, BKS không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty.

4. Báo cáo tự đánh giá Ban kiểm soát

- Trong năm 2017, các thành viên Ban Kiểm Soát đã thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát theo đúng quy định Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm Soát hoạt động chuyên trách tại TVS.
- Các thành viên Ban Kiểm Soát tự đánh giá đã hoàn thành nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát trong khuôn khổ pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị TVS trong năm 2017. Trong quá trình thực hiện công việc, Ban Kiểm Soát đã phối hợp tốt với HĐQT, BDH mà không để ảnh hưởng hoặc gây trở ngại đến hoạt động kinh doanh của TVS.

5. Kết luận và kiến nghị

Trong năm 2017, Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành đã vận hành Công ty đạt kết quả kinh doanh rất hiệu quả và không có sự cố gây tổn thất tài chính hay pháp lý cho TVS, hoàn toàn trong khuôn khổ pháp luật cũng như điều lệ Công ty, đúng nghị quyết Đại hội cổ đông. Ban Kiểm Soát thống nhất với Báo cáo Hội đồng quản trị, Báo cáo Ban điều hành trình Đại hội cổ đông và báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán. BKS đã nhận được sự hỗ trợ và hợp tác tích cực từ phía HĐQT, BĐH cũng như các Bộ phận để có được các kết quả kiểm soát nêu trên. BKS đã kiến nghị những thay đổi cần thiết nhằm nâng cao chất lượng Quản trị doanh nghiệp tại TVS.

Nhằm mục tiêu phát triển liên tục, hướng tới mô hình một công ty chứng khoán có chuyên môn nghiệp vụ cao và đẳng cấp quốc tế, BKS cũng xin có một số ý kiến như sau:

- Bộ phận kiểm soát nội bộ tăng cường giám sát việc tuân thủ quy định nội bộ, quy trình hoạt động theo nghiệp vụ TVS.
- TVS cần xây dựng chính sách và quy trình vận hành hoạt động kinh doanh nguồn vốn, phỏng theo cách đã thực hiện cho hoạt động đầu tư.
- Ngành kinh doanh cốt lõi TVS là đối nhân, do đó TVS cần chú trọng công tác nhân sự và xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa cho các nhân sự chủ chốt tại các bộ phận cốt lõi như ngân hàng đầu tư, quản lý quỹ
- TVS cần tăng tốc đáng kể hoạt động quan hệ nhà đầu tư nhằm giúp nhà đầu tư và khách hàng hiểu rõ mô hình kinh doanh của TVS và giá trị thực tiềm ẩn của TVS.

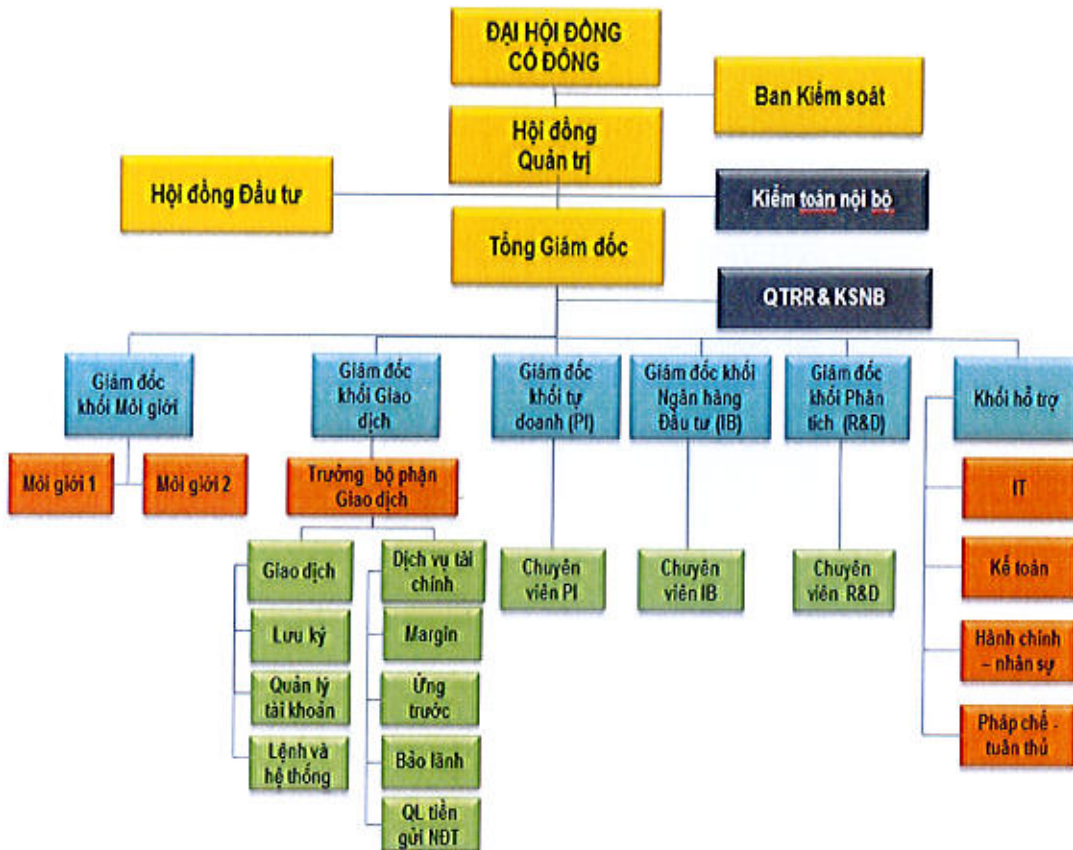


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

PHẦN III: QUAN TRỊ CÔNG TY

- Sơ đồ cơ cấu tổ chức
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng giám đốc

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

**Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

Hội đồng Quản trị (HDQT)

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HDQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. HDQT có 7 thành viên trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HDQT là thành viên độc lập. Nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị là 5 năm và nhiệm kỳ của thành viên HDQT không quá 5 năm.

Ban Kiểm soát (BKS)

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 5 năm. Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu như sau:

- Thực hiện giám sát HDQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HDQT; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài

chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

- Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông.

Hội đồng Đầu tư

Hội Đồng Đầu Tư là tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị bao gồm 4 thành viên do Hội Đồng Quản Trị bầu, bổ nhiệm hoặc bãi miễn. Hội Đồng Đầu Tư có thẩm quyền quyết định các vấn đề đầu tư, kinh doanh, quản lý và sử dụng tài sản của Công ty.

Kiểm toán nội bộ

Kiểm toán nội bộ là một cơ quan chức năng trực thuộc Hội đồng quản trị có chức năng, nhiệm vụ:

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị trong hoạt động của Cty;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Cty theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc là Giám đốc và các Giám đốc điều hành phụ trách các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh của Cty.

Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ (QTRR&KSNB):

Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ là bộ phận trực thuộc Tổng Giám đốc có chức năng và nhiệm vụ chính sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty.
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính.
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của công ty. Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh.
- Đề xuất các chiến lược, chính sách và thủ tục quản trị rủi ro doanh nghiệp phù hợp với các mục tiêu chiến lược chung của TVS trình cho Tổng Giám đốc xem xét.
- Đề xuất hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ. Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro.
- Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị phê duyệt. Trường bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của công ty chứng khoán.
- Giúp TGD trong việc tối đa hóa nhận thức rủi ro và huấn luyện nhận thức rủi ro tại TVS.

Khối hỗ trợ:

Công nghệ Thông tin (IT)

Phòng Công nghệ thông tin có chức năng đảm bảo duy trì hệ thống Công nghệ thông tin của Công ty, triển khai và phát triển các ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý và kinh doanh của TVS.

Tài chính Kế toán

Phòng ghi chép mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính để phục quản lý và thống kê kinh doanh. Phòng này có chức năng quản lý tiền mặt và hoạt động ngân quỹ.

Kiểm tra và kiểm soát chi phí trong nghiệp vụ thanh toán phát sinh của các phòng ban cho hợp lý và đúng theo qui định của Công ty.

Hành chính – nhân sự

Phòng hành chính có chức năng quản lý cơ sở vật chất và đảm bảo cho hoạt động tại trụ sở công ty như hệ thống điện, nước, công tác an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phương tiện vận chuyển, hoạt động văn thư, lễ tân.

- Tổ chức tuyển dụng và đào tạo cán bộ nhân viên.
- Xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng nhân viên hàng năm và hệ thống thông tin nhân viên trong toàn công ty.
- Tăng cường nghiệp vụ quản trị nhân sự để phát triển nguồn nhân lực cho Công ty.

Pháp chế

- Tư vấn pháp luật cho Công ty, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ và giảm thiểu rủi ro về mặt pháp lý.
- Thẩm định về mặt pháp lý trong các các hoạt động của Công ty.
- Soạn thảo, xây dựng, sửa đổi các văn kiện điều lệ, quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; Văn bản, thoả thuận, hợp đồng trong hoạt động thương mại với các đối tác.
- Đưa ra các giải pháp về mặt pháp lý cho các tranh chấp, khiếu nại phát sinh từ các hợp đồng, các quan hệ kinh tế, lao động, dân sự, ... giữa Công ty với đối tác hoặc bên thứ ba.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị bao gồm 7 thành viên trong đó có 3 thành viên độc lập với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	TV độc lập/ không độc lập	Tỷ lệ sở hữu 28/03/2018
1	Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch	Không độc lập	29,3%
2	Bà Đinh Thị Hoa	Phó Chủ tịch	Không độc lập	4,72%
3	Ông Nguyễn Nam Sơn	Thành viên	Độc lập	0%
4	Ông Phan Thanh Diện	Thành viên	Độc lập	2,17%
5	Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Độc lập	1,36%
6	Ông Phạm Ngọc Quỳnh	Thành viên	Không độc lập	1,55%
7	Bà Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên	Không độc lập	0,46%

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng đầu tư trực thuộc Hội đồng quản trị quyết định vấn đề về đầu tư, kinh doanh vốn của Công ty. Hội đồng đầu tư bao gồm các thành viên sau:

- Ông Nguyễn Trung Hà
- Bà Đinh Thị Hoa
- Bà Nguyễn Thanh Thảo
- Bà Bùi Thị Kim Oanh

Tiểu ban quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị cập nhật khẩu vị và chính sách rủi ro cho TVS. Định kỳ sáu tháng, Bộ phận QTRR sẽ gửi báo cáo danh sách các rủi ro quan trọng được nhận diện cùng với kế hoạch hành động và kết quả giám sát đến Tiểu ban QTRR.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2017, HĐQT TVS đã thực hiện 09 cuộc họp, trong đó có 3 cuộc họp tập trung và 6 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Các nghị quyết Hội đồng quản trị đã thông qua trong năm 2017 như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	030117-1/NQ-HĐQT	3/1/2017	Thông qua thành lập Khối Kinh doanh Nguồn vốn
2	030117-2/NQ-HĐQT	3/1/2017	Thông qua bổ nhiệm Khối Kinh doanh Nguồn vốn
3	040117-01/NQ-HĐQT	4/1/2017	Thông qua Phương án cầm cố tài sản tại ngân hàng
4	040117-02/NQ-HĐQT	4/1/2017	Thông qua Phương án cầm cố tài sản tại ngân hàng
5	07032017/NQ HĐQT	07/03/2017	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông/
6	04042017/NQ HĐQT	04/04/2017	Thông qua chương trình ĐHCĐ
7	24042017/NQ HĐQT	24/04/2017	<i>Thông qua việc vay vốn</i>
8	260417-01/NQ HĐQT	26/04/2017	Thông qua mua sắm TSCĐ
9	260417-02/NQ HĐQT	26/04/2017	Thông qua chủ trương thu hồi nợ
10	010617-01/NQ-HĐQT	01/06/2017	Thông qua Phương án cầm cố tài sản tại ngân
11	020617-01/ NQ HĐQT	02/06/2017	Thông qua EY là DN kiểm toán
12	020617-02/ NQ HĐQT	02/06/2017	Cổ tức năm 2016 bằng tiền 6%, bằng cổ phiếu 7% và cổ phiếu thưởng 2%
13	31072017/NQ-HĐQT	31/07/2017	Thông qua Tăng vốn Điều lệ lên 578.710.410.000 và sửa đổi Điều lệ
14	22122017/NQ-HĐQT	22/12/2017	Thông qua Phương án bán Cổ phiếu quỹ

Hoạt động thành viên quản trị độc lập không điều hành

Hiện tại cơ cấu thành viên HĐQT của TVS chỉ có 2/7 thành viên tham gia điều hành, có 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Việc tuân thủ đúng quy định này giúp HĐQT có thể đưa ra các quyết định một cách khách quan và độc lập.

Có 5 thành viên HĐQT tham gia làm thành viên trong các Tiểu ban trực thuộc HĐQT. Do vậy ngoài nhiệm vụ chung của HĐQT, các thành viên này còn đảm trách các công việc được giao tại Tiểu ban mình tham gia.

BAN KIỂM SOÁT**Thành viên Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu 27/03/2017
1	Ông Đỗ Việt Hùng	Trưởng ban	0.06%
2	Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên	0.11%
3	Bà Văn Thị Lan Hương	Thành viên	0%

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và giao dịch nội bộ

- Tổng thù lao đã thực hiện chi trả cho 7 thành viên HĐQT trong năm 2017 là 1.050 triệu đồng.
- Tổng thù lao đã thực hiện chi trả cho 3 thành viên Ban kiểm soát trong năm 2017 là 240 triệu đồng.

GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phan Thanh Nhân	Con	0	0%	200.000	0.37%	Mua
2	Đỗ Việt Hùng		726.885	1.36%	30.000	0.06%	Bán
3	Phan Thanh Diện		1.433.597	3%	1.153.597	2.16%	Bán
4	Phan Thanh Liêm	Con	0	0%	280.000	0.38%	Mua
5	Nguyễn Trung Hà		14.128.621	26.44%	15.096.606	28.26%	Mua
6	Đình Dũng	Anh	111.789	0.21%	354.784	0.58%	Mua
7	Lê Thị Lương	Mẹ	213.702	0.4%	0	0	Bán
8	Nguyễn Trung Hà		15.096.606	28.26%			Mua

Giao dịch/hợp đồng với cổ đông nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Ghi chú
	CTCP Quản Lý Quỹ Thiên Việt (TVAM)	Cty con	01/2016, tái tục hằng năm	Quản lý danh mục đầu tư cho TVS

BAN GIÁM ĐỐC**Nhân sự Ban điều hành trong năm 2017 bao gồm:**

- Bà Nguyễn Thanh Thảo – Tổng giám đốc
- Ông Lê Quang Tiến – Kế toán trưởng
- **Tổng Giám đốc – Bà Nguyễn Thanh Thảo**

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Thảo Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 1976
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy CMND: .
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính
- Sở hữu cổ phần: 267.050 cổ phần, 0,46%
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2000	Văn phòng luật sư Liebovitz & Do, Mỹ	Phụ trách văn phòng Luật
2000 – 2006	Amerquest Capital Holdings, Mỹ	Chuyên viên phân tích tài chính
1/2007 - 1/2009	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Trưởng phòng phân tích
2/2009 – 3/2013	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Giám đốc Chi nhánh
3/2013 – nay	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Tổng Giám đốc

- **Kế toán trưởng: Ông Lê Quang Tiến**

- Họ và tên: Lê Quang Tiến Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy CMND: Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Cổ phần sở hữu: 150.720 cổ phần, tương đương 0.26%
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000 – 2005	Công ty SX bao bì Hanpack	Kế toán trưởng
5/2005 -12/2006	Công ty TNHH V.I.S.T.A	Giám đốc Tài chính
2007 – nay	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Kế toán trưởng

Những thay đổi trong ban điều hành: không có



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

PHẦN IV: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Á
T
M

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần: Công ty chỉ có một loại cổ phần là cổ phần phổ thông, trong đó:

- Tổng số cổ phần đã phát hành: 57.871.041 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 55.045.041 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.826.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 428.700 cổ phần

Cơ cấu cổ đông:

- Theo tiêu chí cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn	01	29,3%
Cổ đông nhỏ	990	70,7%

- Theo tiêu chí cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông tổ chức	37	16,22%
Cổ đông cá nhân	954	83,78%

- Theo tiêu chí sở hữu nước ngoài:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước	957	91,66%
Cổ đông nước ngoài	34	8,34 %

- Theo tiêu chí sở hữu nhà nước:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông nhà nước	0	0
Cổ đông ngoài nhà nước	991	100%

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện:

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 7% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 7 cổ phiếu);

- Phát hành cổ phiếu thường để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 2% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 2 cổ phiếu)

Tổng 2 đợt phát hành trên, Công ty tăng vốn điều lệ từ 534,295,060,000 đồng (Năm trăm ba mươi tư tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) lên 578.710.410.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám tỷ bảy trăm mười triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2017 đến 28/03/2018, Công ty đã đăng ký thực hiện giao dịch bán 4.070.750 cổ phiếu quỹ trong khoảng thời gian từ 26/01/2018 đến 23/02/2018, kết quả như sau:

- Số lượng trước khi đăng ký giao dịch: 4.070.750 cổ phiếu
- Số lượng đã thực hiện: 1.244.750 cổ phiếu
- Số lượng hiện có: 2.826.000 cổ phiếu
- Giá giao dịch bình quân: 12.708 đồng/cổ phiếu
- Phương thức giao dịch: Khớp lệnh/thỏa thuận
- Nguyên nhân không thực hiện được hết số lượng đăng ký: Do điều kiện thị trường không phù hợp

Hà Nội, Ngày 12 tháng 04 năm 2018

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN TRUNG HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	6 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	11 - 13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	14 - 16
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất	17
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	18 - 59

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp tại ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
36/UBCK-GPHĐKD	25/12/2006	Cấp phép lần đầu
67/UBCK-GP	24/08/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 43.000.000.000 VND lên 86.000.000.000 VND
92/UBCK-GPĐCCTCK	05/12/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 86.000.000.000 VND lên 430.000.000.000 VND
115/GPĐC-UBCK	03/12/2012	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
38/GPĐC-UBCK	27/08/2015	Thay đổi vốn điều lệ từ 430.000.000.000 VND lên 476.438.880.000 VND
32/GPĐC-UBCK	05/09/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 476.438.880.000 VND lên 520.005.060.000 VND
44/GPĐC-UBCK	12/12/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 520.005.060.000 VND lên 534.295.060.000 VND
42/GPĐC-UBCK	29/08/2017	Thay đổi vốn điều lệ từ 534.295.060.000 VND lên 578.710.410.000 VND

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội và một chi nhánh (Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Nhóm Công ty là 578.710.410.000 VND, vốn chủ sở hữu là 745.121.036.021 VND và tổng tài sản là 1.613.073.403.895 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Đinh Thị Hoa	Phó Chủ tịch	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Nam Sơn	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Ông Phạm Ngọc Quỳnh	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Ông Phan Thanh Diện	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Đỗ Việt Hùng	Trưởng ban	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Văn Thị Lan Hương	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này là bà Nguyễn Thanh Thảo, bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2013.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này là ông Nguyễn Trung Hà, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thanh Thảo được ông Nguyễn Trung Hà ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo giấy ủy quyền số 03-13/UQ-HĐQT ngày 5 tháng 4 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm kế toán của Công ty và công ty con phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61061644/19442703-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 59, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4.1 - Thay đổi trong các chính sách kế toán. Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán 2015") với hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017. Luật Kế toán 2015 đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý, khi xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu, đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể được xác định lại một cách đáng tin cậy. Nhóm Công ty đã áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trên cơ sở phi hồi tố.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2018-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1841-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2018

8110
ÔNG
NHIỆM
T &
ETN
TRH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.591.655.614.846	1.336.339.720.405
110	I. Tài sản tài chính		1.590.840.009.021	1.317.834.423.565
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	10.988.468.334	17.506.961.706
111.1	1.1 Tiền		10.988.468.334	16.506.961.706
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		-	1.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	7.1	416.509.148.740	336.728.411.722
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.3	926.550.000.000	749.500.000.000
114	4. Các khoản cho vay	7.4	155.698.810.546	90.999.383.698
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.2	12.058.258.872	48.466.258.872
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.6	(2.934.808.718)	(2.929.837.651)
117	7. Các khoản phải thu	8	36.763.989.867	41.203.782.243
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		485.000.000	19.552.500.000
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		36.278.989.867	21.651.282.243
117.4	7.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		36.278.989.867	21.651.282.243
118	8. Trả trước cho người bán	9	20.537.608.605	20.998.268.026
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	10	14.570.616.588	3.842.506.697
122	10. Các khoản phải thu khác	11	97.916.187	11.518.688.252
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		815.605.825	18.505.296.840
131	1. Tạm ứng		23.688.462	8.538.462
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	791.917.363	675.838.378
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15	-	17.820.920.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		21.417.789.049	24.804.351.768
220	I. Tài sản cố định		7.867.286.360	8.681.246.176
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	4.133.054.866	3.910.790.106
222	1.1 Nguyên giá		18.601.562.857	18.056.362.035
223a	1.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(14.468.507.991)	(14.145.571.929)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	3.734.231.494	4.770.456.070
228	2.1 Nguyên giá		12.133.276.309	12.053.276.309
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(8.399.044.815)	(7.282.820.239)
250	II. Tài sản dài hạn khác		13.550.502.689	16.123.105.592
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	15	1.085.753.762	1.067.258.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	838.611.169	926.692.816
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	2.136.564.460	2.618.258.460
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	17	4.271.381.518	3.911.904.536
256	5. Lợi thế thương mại	18	5.218.191.780	7.598.991.780
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.613.073.403.895	1.361.144.072.173

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		867.952.367.874	751.095.295.364
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		855.525.038.547	751.095.295.364
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	21	802.221.000.000	636.533.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		802.221.000.000	636.533.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	307.025.126	236.385.079
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	20	2.666.634.224	51.391.046.399
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	23	-	39.700.852.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	25.554.507.355	12.856.272.258
323	6. Phải trả người lao động		13.881.878.411	6.038.552.042
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	24	3.860.739.445	887.985.574
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	25	1.424.380.396	1.306.126.676
331	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26	5.608.873.590	2.145.075.336
340	II. Nợ phải trả dài hạn		12.427.329.327	-
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	16	12.427.329.327	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		745.121.036.021	610.048.776.809
410	I. Vốn chủ sở hữu		745.121.036.021	610.048.776.809
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		546.068.600.800	501.653.250.800
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		578.710.410.000	534.295.060.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông		578.710.410.000	534.295.060.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		1.089.741.383	1.089.741.383
411.5	1.3 Cổ phiếu quỹ		(33.731.550.583)	(33.731.550.583)
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		7.866.772.189	11.732.959.822
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		30.803.482.189	24.801.359.822
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	27.2	159.989.687.941	71.599.020.965
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		103.495.090.632	71.599.020.965
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		56.494.597.309	-
418	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28	392.492.902	262.185.400
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.613.073.403.895	1.361.144.072.173

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	29.1	38.032.022.388	46.189.912.474
005	2. Ngoại tệ các loại	29.2	2.691.216.466	7.138.430.798
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành (*)	29.3	53.800.291	49.358.756
007	4. Cổ phiếu quỹ (*)	29.4	4.070.750	4.070.750
008	5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK (VND)	29.5	167.198.500.000	172.980.750.000
009	6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK (VND)	29.6	34.002.530.000	22.430.000
010	7. Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	29.7	1.000.000.000	5.000.000.000
012	8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK (VND)	29.8	9.198.700.000	54.708.700.000
013	9. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK (VND)	29.9	400.000.000	-

(*) Số dư các tài khoản này thể hiện số lượng chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư	29.10	979.097.190.000	899.250.930.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		884.137.090.000	809.636.700.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		3.230.500.000	38.280.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		79.200.000.000	79.200.000.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		-	6.369.850.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		12.529.600.000	4.006.100.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	29.11	34.985.650.000	14.906.060.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		34.985.650.000	14.906.060.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	29.12	29.631.200.000	9.325.710.000
025	4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	29.13	405.020.000	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	5. Tiền gửi của khách hàng	29.14	104.916.932.948	59.764.940.474
027	5.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		104.910.816.409	59.758.999.483
029	5.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		6.116.539	5.940.991
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		5.707.897	5.534.760
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		408.642	406.231
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	29.15	104.916.932.948	59.764.940.474
031.1	6.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		104.771.676.324	59.138.158.303
031.2	6.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		145.256.624	626.782.171
035	7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	29.16	1.409.021.095	1.290.767.375

Bà Nguyễn Thị Vân
Người lập

Ông Lê Quang Tiên
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		301.717.724.586	87.679.242.682
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	30.1	144.370.348.492	58.390.933.998
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	30.2	140.105.564.794	15.964.267.784
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	30.3	17.241.811.300	13.324.040.900
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	30.3	70.404.992.226	32.025.084.243
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	30.3	12.307.244.580	8.054.264.182
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		12.156.183.521	14.446.802.168
08	5. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	3.840.000.000
09	6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		457.626.881	393.995.539
10	7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		1.714.545.454	18.607.675.000
11	8. Thu nhập hoạt động khác	32	14.827.060.928	2.462.717.800
20	Cộng doanh thu hoạt động		413.585.378.176	167.509.781.614
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(90.825.473.917)	(26.506.854.658)
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	30.1	(19.471.224.431)	(5.660.127.379)
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	30.2	(71.128.918.158)	(20.626.508.968)
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(225.331.328)	(220.218.311)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	31	(7.592.768.746)	(5.401.346.841)
26	3. Chi phí hoạt động tư doanh	33	(4.439.267.697)	(2.884.163.056)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	34	(11.401.023.379)	(10.193.085.085)
29	5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	(348.993.000)
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(455.843.128)	(398.960.288)
31	7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	35	(10.887.399.288)	(8.683.213.761)
32	8. Chi phí hoạt động khác	36	(14.884.249.817)	(5.845.936.362)
40	Cộng chi phí hoạt động		(140.486.025.972)	(60.262.553.051)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02-CTCK/HN


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		4.115.802	6.965.335
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		1.166.142.601	3.832.589.632
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	37	1.170.258.403	3.839.554.967
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(21.647.110)	(100.824.820)
52	2. Chi phí lãi vay		(45.347.385.469)	(18.687.741.044)
60	Cộng chi phí tài chính	38	(45.369.032.579)	(18.788.565.864)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	39	(25.407.813.246)	(21.620.389.493)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		203.492.764.782	70.677.828.173
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		5.188.327.939	11.194.667.021
72	2. Chi phí khác		(232.849.227)	(134.991.753)
80	Cộng kết quả hoạt động khác	40	4.955.478.712	11.059.675.268
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		208.448.243.494	81.737.503.441
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		139.471.596.858	81.737.503.441
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		68.976.646.636	-
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	41	(40.246.932.428)	(14.842.338.341)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	41.2	(27.337.909.101)	(14.580.512.495)
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	41.3	(12.909.023.327)	(261.825.846)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		168.201.311.066	66.895.165.100
201	1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ chủ sở hữu		168.017.919.807	66.833.489.961
203	2. Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát		183.391.259	61.675.139


Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN HỢP NHẤT		168.201.311.066	66.895.165.100
401	1. Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu		168.017.919.807	66.833.489.961
402	2. Thu nhập toàn diện phân bổ cho cổ đông không nắm quyền kiểm soát		183.391.259	61.675.139
500	XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		168.017.919.807	66.833.489.961
501	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	42.5	3.123	1.316
502	2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	42.5	3.123	1.208


Bà Nguyễn Thị Vân
Người lập


Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng


Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03b-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		208.448.243.494	81.737.503.441
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		13.696.665.263	1.818.782.002
03	- Khấu hao TSCĐ		4.728.269.661	4.782.323.201
06	- Chi phí lãi vay	38	45.347.385.469	18.687.741.044
07	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(100.000.000)	
08	- Dự thu tiền lãi		(36.278.989.867)	(21.651.282.243)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		71.133.889.225	21.867.866.619
11	- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		71.128.918.158	20.626.508.968
13	- Lỗi suy giảm giá trị các khoản cho vay		(661.198.933)	1.241.357.651
14	- Lỗi suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính AFS		666.170.000	-
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(181.859.016.170)	(15.964.267.784)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(140.105.564.794)	(15.964.267.784)
21	- Lãi đánh giá lại TSTC năm trước đã thực hiện		(41.753.451.376)	-
30	5. Lỗi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(252.645.765.459)	(686.960.200.595)
31	- Giảm/(tăng) tài sản tài chính FVTPL		67.357.360.994	(72.119.810.744)
32	- Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM		(177.050.000.000)	(518.600.000.000)
33	- Tăng các khoản cho vay		(64.699.426.848)	(47.837.030.984)
34	- Tăng tài sản sẵn sàng để bán AFS		-	(36.408.000.000)
35	- Giảm/(tăng) phải thu bán các tài sản tài chính		19.067.500.000	(17.510.884.000)
36	- Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		21.651.282.243	4.720.846.111
37	- (Tăng)/giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(10.728.109.891)	1.133.330.670
39	- Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		11.881.431.486	(32.166.104.027)
40	- Giảm/(tăng) các tài sản khác		107.067.018	(52.492.813)
41	- (Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(2.839.518)	252.839.518
42	- Tăng chi phí trả trước		(27.997.338)	(410.509.408)
43	- Thuế TNDN đã nộp	22	(16.138.133.002)	(14.867.805.900)
44	- Lãi vay đã trả		(42.371.792.080)	(18.095.228.021)
45	- (Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(88.425.264.175)	88.774.700.221
47	- Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		1.016.764.998	(1.203.955.265)
48	- Tăng/(giảm) phải trả người lao động		7.843.326.369	(4.770.837.101)
50	- Tăng phải trả, phải nộp khác		70.640.047	56.237.343
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		17.802.424.238	-
52	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	(17.855.496.195)
60	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(141.225.983.647)	(597.500.316.317)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03b-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	13,14	(1.533.509.845)	(1.209.099.200)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		100.000.000	-
70	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.433.509.845)	(1.209.099.200)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	2.989.381.000
73	Tiền vay gốc	21	4.590.510.396.787	1.902.226.825.013
73.2	- Tiền vay khác		4.590.510.396.787	1.902.226.825.013
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(4.424.822.396.787)	(1.305.693.825.013)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(4.424.822.396.787)	(1.305.693.825.013)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(29.546.999.880)	(43.421.305.200)
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		136.141.000.120	556.101.075.800
90	GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(6.518.493.372)	(42.608.339.717)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	17.506.961.706	60.115.301.423
101.1	Tiền		16.506.961.706	35.615.301.423
101.2	Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	24.500.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	10.988.468.334	17.506.961.706
103.1	Tiền		10.988.468.334	16.506.961.706
103.2	Các khoản tương đương tiền		-	1.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03b-CTCK/HN

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		612.538.037.100	556.701.299.400
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(619.779.870.000)	(467.090.406.100)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		1.345.296.197.748	1.066.048.931.988
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(1.346.466.908.968)	(1.215.472.578.598)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(449.695.250)	(367.163.956)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		63.804.395.844	65.273.953.717
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(9.790.164.000)	(17.136.051.000)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		45.151.992.474	(12.042.014.549)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	29.14	59.764.940.474	71.806.955.023
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		59.764.940.474	71.806.955.023
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		59.758.999.483	71.799.002.094
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		5.940.991	7.952.929
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	29.14	104.916.932.948	59.764.940.474
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		104.916.932.948	59.764.940.474
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		104.910.816.409	59.758.999.483
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		6.116.539	5.940.991



Bà Nguyễn Thị Vân
Người lập



Ông Lê Quang Tiên
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B04-CTCK/HN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)		Số cuối năm	
		Ngày 1/1/2016 VND	Ngày 1/1/2017 VND	Năm trước		Năm nay	
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.1	440.807.689.800	501.653.250.800	58.945.921.383	1.899.639.617	44.415.350.000	-
1.1. Cổ phiếu phổ thông		476.438.880.000	534.295.060.000	57.856.180.000	-	44.415.350.000	-
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		-	1.089.741.383	1.089.741.383	-	-	-
1.3. Cổ phiếu quỹ		(35.631.190.200)	(33.731.550.583)	-	1.899.639.617	-	-
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	27.1	21.337.561.568	11.732.959.822	3.463.798.254	(13.068.400.000)	6.002.122.367	(9.868.310.000)
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		21.337.561.568	24.801.359.822	3.463.798.254	-	6.002.122.367	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	27.2	90.317.222.032	71.599.020.965	66.833.489.961	(85.551.691.028)	168.017.919.807	(79.627.252.831)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		90.317.222.032	71.599.020.965	66.833.489.961	(85.551.691.028)	111.523.322.498	(79.627.252.831)
- Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	56.494.597.309	-
5. Lợi ích của cổ đông thiểu số		200.510.261	262.185.400	61.675.139	-	183.391.259	(183.391.259)
TỔNG CỘNG		574.000.545.229	610.048.776.809	132.768.682.991	(96.720.451.411)	224.620.905.800	(69.548.146.588)

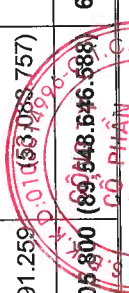
Nguyễn Thị Vân

Bà Nguyễn Thị Vân
Người lập

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Minh Thảo
Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Thảo



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 19 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp tại ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các văn bản sửa đổi khác.

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>	<u>Nội dung thay đổi</u>
36/UBCK-GPHĐKD	25/12/2006	Cấp phép lần đầu
67/UBCK-GP	24/08/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 43.000.000.000 VND lên 86.000.000.000 VND
92/UBCK-GPĐCCTCK	05/12/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 86.000.000.000 VND lên 430.000.000.000 VND
115/GPĐC-UBCK	03/12/2012	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
38/GPĐC-UBCK	27/08/2015	Thay đổi vốn điều lệ từ 430.000.000.000 VND lên 476.438.880.000 VND
32/GPĐC-UBCK	05/09/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 476.438.880.000 VND lên 520.005.060.000 VND
44/GPĐC-UBCK	12/12/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 520.005.060.000 VND lên 534.295.060.000 VND
42/GPĐC-UBCK	29/08/2017	Thay đổi vốn điều lệ từ 534.295.060.000 VND lên 578.710.410.000 VND

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội và một chi nhánh (Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 67 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 67 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Nhóm Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Nhóm Công ty là 578.710.410.000 VND, vốn chủ sở hữu là 745.121.036.021 VND và tổng tài sản là 1.613.073.403.895 VND.

Mục tiêu đầu tư

Nhóm Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty con

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty con có trụ sở tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 99,20% phần vốn chủ sở hữu và 99,20% quyền biểu quyết trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 99,20%).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hay "VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 *Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán 2015"). Luật Kế toán 2015 đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán 2015 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

Theo đó, một số tài sản tài chính được ghi nhận như sau:

- ▶ Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản chênh lệch (lãi hoặc lỗ) phát sinh từ việc thay đổi giá trị do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.
- ▶ Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Chênh lệch phát sinh từ thay đổi giá trị do đánh giá lại các tài sản tài chính AFS (thu nhập toàn diện khác) được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu - chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và báo cáo tình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán giá trị hợp lý trên cơ sở phi hồi tố theo Luật Kế toán 2015.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp theo)

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Nhóm Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- ▶ Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- ▶ Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích lập dự phòng giảm giá chứng khoán, giá thị trường của chứng khoán được xác định theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 *Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính* (tiếp theo)

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

4.8 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Nhóm Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Nhóm Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Nhóm Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Nhóm Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Nhóm Công ty. Trong trường hợp đó, Nhóm Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Nhóm Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Nhóm Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.9 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Nhóm Công ty khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Nhóm Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phát sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là năm (5) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

4.11 *Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp*

Trong năm, Nhóm Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Nhóm Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Nhóm Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Nhóm Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Nhóm Công ty sau khoản thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Nhóm Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.12 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.14 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.15 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm
Phần mềm tin học	3 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	2 năm

4.16 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

4.18 Các khoản vay

Các khoản vay được phát hành bởi Nhóm Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

4.19 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.20 Lợi ích của nhân viên

4.20.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Nhóm Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản và phụ cấp hàng tháng của họ. Theo Quyết định 595/2017/QĐ-BHXH, tỷ lệ đóng góp áp dụng từ ngày 1 tháng 6 năm 2017 là 17,5%. Ngoài ra, Nhóm Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

4.20.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.21 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.23 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.24 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.25 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

4.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.27 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất thuộc danh mục tài sản tài chính của Nhóm Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Nhóm Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Nhóm Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Nhóm Công ty.

4.28 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Nhóm Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.29 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	188.841.197	53.157.632
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Nhóm Công ty	10.799.627.137	16.453.804.074
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
	10.988.468.334	17.506.961.706

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Của Nhóm Công ty	82.766.963	5.809.743.766.500
- Cổ phiếu	22.106.393	529.412.266.500
- Trái phiếu	60.660.570	5.280.331.500.000
b. Của nhà đầu tư	416.288.332	4.985.665.988.600
- Cổ phiếu	415.631.215	4.983.020.437.400
- Chứng chỉ quỹ	657.117	2.645.551.200
	499.055.295	10.795.409.755.100

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	264.940.661.614	306.085.821.050	281.609.215.750	254.520.165.672
CEO	23.627.103.332	22.464.000.000	8.857.612.533	8.802.783.332
VSC	22.594.629.904	20.382.086.000	13.361.672.631	13.361.672.631
MWG	20.426.981.000	20.305.000.000	-	-
KBC	19.252.832.145	18.358.067.000	189.995	69.250
PNJ	17.640.040.365	32.880.548.000	8.027.494.400	7.806.036.000
HUT	17.077.010.000	15.660.000.000	-	-
FPT	13.458.679.362	20.557.941.400	19.086.311.158	19.086.311.158
FCN	11.562.256.775	13.122.000.000	24.274.794.676	21.454.839.000
CII	10.569.269.189	11.232.596.700	24.254.348.591	24.109.290.208
CEE	10.108.799.500	9.840.000.000	-	-
TCM	9.788.057.426	11.420.256.950	229.654	130.500
Cổ phiếu khác	88.835.002.616	109.863.325.000	183.746.562.112	159.899.033.593
Cổ phiếu chưa niêm yết	24.011.840.490	45.003.327.690	21.841.147.348	7.176.746.050
TPB	24.000.000.000	45.000.000.000	-	-
SHG	-	-	21.829.306.858	7.174.160.000
Cổ phiếu khác	11.840.490	3.327.690	11.840.490	2.586.050
Trái phiếu niêm yết	-	-	50.791.500.000	50.791.500.000
Chứng chỉ quỹ	58.580.000.000	65.420.000.000	24.240.000.000	24.240.000.000
FUCTVGF1	24.240.000.000	31.080.000.000	24.240.000.000	24.240.000.000
FUCTVGF2	34.340.000.000	34.340.000.000	-	-
	347.532.502.104	416.509.148.740	378.481.863.098	336.728.411.722

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- CTCP Dịch vụ Di Động Trực Tuyến	9.058.258.872	9.058.258.872	9.058.258.872	9.058.258.872
- CTCP Viễn Thông Tinh Vân	3.000.000.000	645.350.000	3.000.000.000	1.311.520.000
- NHTM CP Tiên Phong	-	-	36.408.000.000	36.408.000.000
	12.058.258.872	9.703.608.872	48.466.258.872	46.777.778.872

7.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	776.550.000.000	776.550.000.000	749.500.000.000	749.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-
	926.550.000.000	926.550.000.000	749.500.000.000	749.500.000.000

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 13 tháng (31/12/2016: kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 13 tháng).

Công ty có sử dụng một số khoản tiền gửi kỳ hạn là 757.670 triệu đồng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (31/12/2016: 658.997 triệu đồng).

7.4 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	142.834.048.089	142.253.889.371	88.740.016.473	87.498.658.822
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	12.864.762.457	12.864.762.457	2.259.367.225	2.259.367.225
	155.698.810.546	155.118.651.828	90.999.383.698	89.758.026.047

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Năm nay						Năm trước			
	Chênh lệch đánh giá			Chênh lệch đánh giá			Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị hợp lý VND
	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND				
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)										
1 Cổ phiếu niêm yết										
CEO	23.627.103.332	-	1.163.103.332	22.464.000.000	8.857.612.533	54.829.201	-	-	8.802.783.332	
VSC	22.594.629.904	-	2.212.543.904	20.382.086.000	13.361.672.631	-	-	-	13.361.672.631	
MWG	20.426.981.000	-	121.981.000	20.305.000.000	-	-	-	-	-	
KBC	19.252.832.145	-	894.765.145	18.358.067.000	189.995	120.745	-	-	69.250	
PNJ	17.640.040.365	15.240.507.635	-	32.880.548.000	8.027.494.400	221.458.400	-	-	7.806.036.000	
HUT	17.077.010.000	-	1.417.010.000	15.660.000.000	-	-	-	-	-	
FPT	13.458.679.362	7.099.262.037	-	20.557.941.399	19.086.311.158	-	-	-	19.086.311.158	
FCN	11.562.256.775	1.559.743.225	-	13.122.000.000	24.274.794.676	2.819.955.676	-	-	21.454.839.000	
CII	10.569.269.189	663.327.511	-	11.232.596.700	24.254.348.591	145.058.383	-	-	24.109.290.208	
CEE	10.108.799.500	-	268.799.500	9.840.000.000	-	-	-	-	-	
TCM	9.788.057.426	1.632.199.524	-	11.420.256.950	229.654	99.154	-	-	130.500	
Khác	88.835.002.616	24.207.079.462	3.178.757.077	109.863.325.001	183.746.562.112	23.847.528.519	-	-	159.899.033.593	
	264.940.661.614	50.402.119.394	9.256.959.958	306.085.821.050	281.609.215.750	27.089.050.078	-	-	254.520.165.672	
2. Cổ phiếu chưa niêm yết										
TPB	24.000.000.000	21.000.000.000	-	45.000.000.000	-	-	-	-	-	
SHG	-	-	-	-	21.829.306.858	14.655.146.858	-	-	7.174.160.000	
Khác	11.840.490	585.950	9.098.750	3.327.690	11.840.490	9.254.440	-	-	2.586.050	
	24.011.840.490	21.000.585.950	9.098.750	45.003.327.690	21.841.147.348	14.664.401.298	-	-	7.176.746.050	
3. Trái phiếu niêm yết										
TD1626457	-	-	-	-	50.791.500.000	-	-	-	50.791.500.000	
4. Chứng chỉ quỹ niêm yết										
FUCTVGF1	24.240.000.000	6.840.000.000	-	31.080.000.000	24.240.000.000	-	-	-	24.240.000.000	
FUCTVGF2	34.340.000.000	-	-	34.340.000.000	-	-	-	-	-	
	58.580.000.000	6.840.000.000	-	65.420.000.000	24.240.000.000	-	-	-	24.240.000.000	
	347.532.502.104	78.242.705.344	9.266.058.708	416.509.148.740	378.481.863.098	41.753.451.376	-	-	336.728.411.722	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.6 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản cho vay và phải thu	580.158.718	1.241.357.651
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.354.650.000	1.688.480.000
	2.934.808.718	2.929.837.651

Chi tiết các TSTC hạch toán theo phương pháp giá gốc và dự phòng giảm giá các TSTC như sau:

STT	Loại TSTC	Số lượng cổ phiếu	Cơ sở lập dự phòng năm nay		Giá trị dự phòng năm nay VND	Giá trị dự phòng năm trước VND	Mức hoàn nhập/ (trích lập) dự phòng năm nay VND
			Giá số sách kế toán VND	Giá trị hợp lý VND			
I	HTM		926.550.000.000	926.550.000.000	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		926.550.000.000	926.550.000.000	-	-	-
II	Cho vay		155.698.810.546	155.118.651.828	(580.158.718)	(1.241.357.651)	661.198.933
	Cho vay ký quỹ (Thuyết minh 31) Ứng trước		142.834.048.089	142.253.889.371	(580.158.718)	(1.241.357.651)	661.198.933
			12.864.762.457	12.864.762.457	-	-	-
III	AFS (cổ phiếu)	919.870	12.058.258.872	9.703.608.872	(2.354.650.000)	(1.688.480.000)	(666.170.000)
	CTCP Dịch vụ Di Động Trực Tuyến CTCP Viễn Thông Tinh Vân (Thuyết minh 31)	869.870	9.058.258.872	9.058.258.872	-	-	-
		50.000	3.000.000.000	645.350.000	(2.354.650.000)	(1.688.480.000)	(666.170.000)
			1.094.307.069.418	1.091.372.260.700	(2.934.808.718)	(2.929.837.651)	(4.971.067)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu thanh toán bù trừ T+2	485.000.000	19.552.500.000
- Cổ phiếu niêm yết	485.000.000	19.552.500.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36.278.989.867	21.651.282.243
- Cổ tức	592.003.200	298.080.000
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	35.686.986.667	21.353.202.243
	36.763.989.867	41.203.782.243

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng mua chứng chỉ quỹ Đầu tư		
Tăng trưởng TVAM	19.845.490.000	20.686.820.000
Tạm ứng khác	692.118.605	311.448.026
	20.537.608.605	20.998.268.026

10. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu phí quản lý quỹ	12.791.902.386	-
Phải thu phí tư vấn	1.632.700.000	3.732.700.000
Phải thu phí lưu ký	90.219.587	83.608.844
Phải thu phí giao dịch	55.794.615	26.197.853
	14.570.616.588	3.842.506.697

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	-	11.472.550.000
Các khoản phải thu khác	97.916.187	46.138.252
	97.916.187	11.518.688.252

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	791.917.363	675.838.378
- Phí bảo trì hệ thống	299.806.249	256.398.370
- Tiền thuê văn phòng	143.073.000	140.616.000
- Phí bảo hiểm	12.756.981	13.262.125
- Phí dịch vụ khác	336.281.133	265.561.883
Chi phí trả trước dài hạn	838.611.169	926.692.816
- Thiết bị tin học	465.442.619	656.072.241
- Công cụ, dụng cụ	346.535.219	270.620.575
- Khác	26.633.331	-
	1.630.528.532	1.602.531.194

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.491.567.770	14.867.734.885	1.494.462.500	202.596.880	18.056.362.035
Mua trong năm	-	415.729.145	1.037.780.700	-	1.453.509.845
Thanh lý	-	(267.186.523)	(641.122.500)	-	(908.309.023)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.491.567.770	15.016.277.507	1.891.120.700	202.596.880	18.601.562.857
Hao mòn lũy kế					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.491.567.770	11.708.753.125	742.654.154	202.596.880	14.145.571.929
Khấu hao trong năm	-	975.572.611	255.672.474	-	1.231.245.085
Thanh lý	-	(267.186.523)	(641.122.500)	-	(908.309.023)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.491.567.770	12.417.139.213	357.204.128	202.596.880	14.468.507.991
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	-	3.158.981.760	751.808.346	-	3.910.790.106
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	2.599.138.294	1.533.916.572	-	4.133.054.866

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2017 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.204.252.612 đồng (31/12/2016: 12.875.799.634 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm VND</i>	<i>Tài sản vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	9.751.729.909	2.301.546.400	12.053.276.309
Mua trong năm	80.000.000	-	80.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	9.831.729.909	2.301.546.400	12.133.276.309
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	5.013.892.595	2.268.927.644	7.282.820.239
Hao mòn trong năm	1.083.605.820	32.618.756	1.116.224.576
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	6.097.498.415	2.301.546.400	8.399.044.815
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.737.837.314	32.618.756	4.770.456.070
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.734.231.494	-	3.734.231.494

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 31/12/2017 đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.756.247.195 đồng (31/12/2016: 6.602.747.195 đồng).

15. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỘC

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đặt cọc ngắn hạn hoạt động mua bán trái phiếu	-	17.820.920.000
Đặt cọc dài hạn cho các hoạt động khác	1.085.753.762	1.067.258.000
	1.085.753.762	18.888.178.000

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 41.3)	470.930.000	337.696.000
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 41.3)	1.665.634.460	2.280.562.460
	2.136.564.460	2.618.258.460
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 41.3)	12.427.329.327	-

17. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

17. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN (tiếp theo)

Biến động tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nợ ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nợ bổ sung	4.151.381.518	3.791.904.536
	4.271.381.518	3.911.904.536

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua lại 99,2% cổ phần công ty con TVAM trong năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giá gốc		
Số đầu năm	11.904.000.000	11.904.000.000
Số cuối năm	11.904.000.000	11.904.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	4.305.008.220	1.924.208.220
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 39)	2.380.800.000	2.380.800.000
Số cuối năm	6.685.808.220	4.305.008.220
Giá trị ghi sổ		
Số đầu năm	7.598.991.780	9.979.791.780
Số cuối năm	5.218.191.780	7.598.991.780

19. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	238.066.642	180.509.226
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	68.958.484	55.875.853
	307.025.126	236.385.079

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	2.572.797.000	50.791.500.000
Phải trả chi phí bảo trì phần mềm	-	384.581.250
Phải trả khác	93.837.224	214.965.149
	2.666.634.224	51.391.046.399

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Tổ chức tài chính	636.533.000.000	4.542.510.396.787	(4.424.822.396.787)	754.221.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	391.183.000.000	1.202.850.000.000	(1.158.852.000.000)	435.181.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	400.000.000.000	(250.000.000.000)	150.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	245.350.000.000	2.919.660.396.787	(3.015.970.396.787)	149.040.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Tổ chức kinh tế	-	48.000.000.000	-	48.000.000.000
- CTCP Truyền thông và Giải trí Galaxy	-	40.000.000.000	-	40.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Ân Phẩm	-	8.000.000.000	-	8.000.000.000
	636.533.000.000	4.590.510.396.787	(4.424.822.396.787)	802.221.000.000

Lãi suất vay hàng năm của các khoản vay ngắn hạn trên là 5,10% - 8,50% và các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh 7.3).

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chi tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 41)	9.544.912.358	27.337.909.101	(16.138.133.002)	20.744.688.457
2	Thuế giá trị gia tăng	262.860.000	191.258.386	(310.482.022)	143.636.364
3	Thuế thu nhập cá nhân	3.048.499.900	10.813.625.674	(9.195.943.040)	4.666.182.534
	- Thuế TNCN khấu trừ của nhân viên	2.728.989.236	5.091.985.686	(4.475.773.410)	3.345.201.512
	- Thuế TNCN khấu trừ của nhà đầu tư	245.991.624	3.399.656.547	(3.259.587.111)	386.061.060
	- Thuế TNCN khấu trừ của người cung cấp dịch vụ	72.461.968	335.857.681	(104.117.297)	304.202.352
	- Thuế TNCN khấu trừ từ cổ tức	1.057.072	1.986.125.760	(1.356.465.222)	630.717.610
		12.856.272.258	38.342.793.161	(25.644.558.064)	25.554.507.355

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

23. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đây là khoản tiền mà các nhà đầu tư đặt cọc cho Nhóm Công ty để tìm kiếm và mua trái phiếu Chính phủ. Trong năm, Nhóm Công ty đã hoàn tất các hợp đồng đặt mua trái phiếu và đã hoàn trả tiền cọc cho nhà đầu tư.

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	3.610.739.445	635.146.056
Phải trả chi phí dịch vụ chuyên môn	250.000.000	252.839.518
	3.860.739.445	887.985.574

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.409.021.095	1.290.767.375
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.359.301	15.359.301
	1.424.380.396	1.306.126.676

26. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	2.145.075.336	11.881.898.816
Trích trong năm	3.463.798.254	4.553.176.520
- Từ lợi nhuận của cổ đông Công ty (Thuyết minh 27.2)	3.460.714.497	4.553.176.520
- Từ lợi nhuận của cổ đông thiểu số (Thuyết minh 28)	3.083.757	-
Sử dụng trong năm	-	(14.290.000.000)
Số cuối năm	5.608.873.590	2.145.075.336

27. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

27.1 Vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm Đơn vị	Số đầu năm Đơn vị
Số lượng cổ phần được phép phát hành	57.871.041	53.429.506
Cổ phiếu thường	57.871.041	53.429.506
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ	57.871.041	53.429.506
Cổ phiếu thường	57.871.041	53.429.506
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	4.070.750	4.070.750
Cổ phiếu thường	4.070.750	4.070.750
Số lượng cổ phần đang lưu hành	53.800.291	49.358.756
Cổ phiếu thường	53.800.291	49.358.756

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

27. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.2 Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	103.495.090.632	71.599.020.965
Lợi nhuận chưa thực hiện	56.494.597.309	-
Tổng cộng	159.989.687.941	71.599.020.965

Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu năm	71.599.020.965	90.317.222.032
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm	56.494.597.309	-
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	111.523.322.498	66.833.489.961
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông	239.616.940.772	157.150.711.993
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(15.464.959.231)	(11.480.773.028)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	(3.460.714.497)	(4.553.176.520)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(6.002.122.367)	(3.463.798.254)
- Quỹ dự phòng tài chính	(6.002.122.367)	(3.463.798.254)
Số lãi phân phối cho cổ đông	(64.162.293.600)	(74.070.918.000)
- Chia cổ tức bằng tiền mặt	(29.615.253.600)	(43.573.138.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	(34.547.040.000)	(30.497.780.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cho cổ đông cuối năm	159.989.687.941	71.599.020.965

28. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu năm	262.185.400	200.510.261
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm	54.720.000	-
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	128.671.259	61.675.139
Lợi nhuận phân phối cho cổ đông không kiểm soát	445.576.659	262.185.400
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	(3.083.757)	-
Chia cổ tức bằng tiền mặt	(50.000.000)	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	392.492.902	262.185.400

29. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

29.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Khoản cho vay hỗ trợ thanh toán	21.474.230.387	21.474.230.387
Tạm ứng tiền bán chứng khoán	14.470.476.001	22.628.366.087
Phải thu cổ tức	1.114.000.000	1.114.000.000
Phải thu hoạt động tư vấn	973.316.000	973.316.000
Tổng cộng	38.032.022.388	46.189.912.474

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

29. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

29.2 Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
USD	<u>2.691.216.466</u>	<u>7.138.430.798</u>

29.3 Cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Cổ phiếu đang lưu hành của Công ty	<u>53.800.291</u>	<u>49.358.756</u>

29.4 Cổ phiếu quỹ

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	<u>4.070.750</u>	<u>4.070.750</u>

29.5 Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Mệnh giá tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	166.998.500.000	168.480.750.000
Mệnh giá tài sản tài chính chờ thanh toán	200.000.000	4.500.000.000
	<u>167.198.500.000</u>	<u>172.980.750.000</u>

29.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	<u>34.002.530.000</u>	<u>22.430.000</u>

29.7 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	<u>1.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

29. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

29.8 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	<u>9.198.700.000</u>	<u>54.708.700.000</u>

29.9 Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	<u>400.000.000</u>	-

29.10 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	884.137.090.000	809.636.700.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	79.200.000.000	79.200.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	12.529.600.000	4.006.100.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	3.230.500.000	38.280.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	-	6.369.850.000
	<u>979.097.190.000</u>	<u>899.250.930.000</u>

29.11 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	<u>34.985.650.000</u>	<u>14.906.060.000</u>

29.12 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	<u>29.631.200.000</u>	<u>9.325.710.000</u>

29.13 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	<u>405.020.000</u>	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

29. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

29.14 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	104.910.816.409	59.758.999.483
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	104.765.968.427	59.132.700.544
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	144.847.982	626.298.939
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	6.116.539	5.940.991
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	5.707.897	5.534.760
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	408.642	406.231
	104.916.932.948	59.764.940.474

29.15 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	65.591.889.827	31.817.595.488
Của Nhà đầu tư trong nước	65.446.633.203	31.190.813.317
Của Nhà đầu tư nước ngoài	145.256.624	626.782.171
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	39.279.699.600	27.912.061.600
Của Nhà đầu tư trong nước	39.279.699.600	27.912.061.600
Phải trả khác của Nhà đầu tư	45.343.521	35.283.386
Của Nhà đầu tư trong nước	45.343.521	35.283.386
	104.916.932.948	59.764.940.474

29.16 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cổ tức và lãi trái phiếu	1.409.021.095	1.290.767.375

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

30.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân giá quyên tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay VND
1	Cổ phiếu niêm yết	13.037.780	32.229	420.193.504.911	310.886.116.956	109.307.387.955
	LDG	1.372.000	16.007	21.962.274.852	13.233.156.762	8.729.118.090
	REE	1.260.400	27.309	34.420.526.000	29.219.707.008	5.200.818.992
	CII	1.083.200	35.065	37.982.623.045	29.254.231.152	8.728.391.893
	VCB	995.000	42.581	42.368.309.000	35.702.803.099	6.665.505.901
	FPT	913.690	51.892	47.413.161.480	31.714.406.976	15.698.754.504
	HCM	863.780	42.199	36.450.619.663	26.210.210.093	10.240.409.570
	DXG	810.000	17.014	13.781.000.000	9.692.861.235	4.088.138.765
	SSI	687.490	26.534	18.241.697.500	13.474.804.000	4.766.893.500
	TNG	640.921	13.519	8.664.674.767	10.808.847.030	(2.144.172.263)
	FCN	591.690	26.179	15.489.821.830	12.877.177.901	2.612.643.929
	GMD	476.500	39.040	18.602.544.000	13.668.470.395	4.934.073.605
	Khác	3.343.109	37.335	124.816.252.774	85.029.441.305	39.786.811.469
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	3.780.907	7.986	30.192.575.577	19.620.481.138	10.572.094.439
	SHG	2.228.000	3.000	6.684.000.000	7.174.160.001	(490.160.001)
	Khác	1.552.907	15.138	23.508.575.577	12.446.321.137	11.062.254.440
3	Trái phiếu niêm yết	24.500.000	108.604	2.660.793.500.000	2.656.876.000.000	3.917.500.000
	TD1626457	6.000.000	102.350	614.102.000.000	613.531.000.000	571.000.000
	TL1535300	6.000.000	119.313	715.879.500.000	714.512.500.000	1.367.000.000
	TD1626456	5.000.000	105.920	529.599.000.000	528.694.500.000	904.500.000
	TD1520264	4.000.000	105.445	421.780.000.000	420.877.000.000	903.000.000
	TD1419081	1.500.000	106.716	160.074.000.000	160.048.500.000	25.500.000
	TD1530290	500.000	117.153	58.576.500.000	58.419.000.000	157.500.000
	TD1623481	500.000	113.361	56.680.500.000	56.704.000.000	(23.500.000)
	TD1419090	500.000	101.612	50.806.000.000	50.800.000.000	6.000.000
	TD1520268	500.000	106.592	53.296.000.000	53.289.500.000	6.500.000
4	Hợp đồng hoán đổi lãi suất	3	4.643.058.334	4.643.058.334	3.540.916.667	1.102.141.667
				3.115.822.638.822	2.990.923.514.761	124.899.124.061

Trong đó:

- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL
- Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

144.370.348.492
(19.471.224.431)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Chênh lệch đánh giá lại tại đầu năm VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay VND
I	FVTPL (Thuyết minh 7.5)	347.532.502.104	416.509.148.740	68.976.646.636	(41.753.451.376)	110.730.098.012
1	Cổ phiếu niêm yết	264.940.661.614	306.085.821.050	41.145.159.436	(27.089.050.078)	68.234.209.514
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	24.011.840.490	45.003.327.690	20.991.487.200	(14.664.401.298)	35.655.888.498
3	Chứng chỉ quỹ	58.580.000.000	65.420.000.000	6.840.000.000	-	6.840.000.000
	Trong đó:					
	- Chênh lệch tăng					140.105.564.794
	- Chênh lệch giảm					(71.128.918.158)
	- Chênh lệch giảm năm trước đã thực hiện					41.753.451.376
II	HTM (Thuyết minh 7.6)	926.550.000.000	926.550.000.000	-	-	-
III	Các khoản cho vay và phải thu (Thuyết minh 7.6)	155.698.810.546	155.118.651.828	(580.158.718)	(1.241.357.651)	661.198.933
IV	AFS (Thuyết minh 7.6)	12.058.258.872	9.703.608.872	(2.354.650.000)	(1.688.480.000)	(666.170.000)
		1.441.839.571.522	1.507.881.409.440	66.041.837.918	(44.683.289.027)	110.725.126.945

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

30. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.3 *Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	17.241.811.300	13.324.040.900
Từ tài sản tài chính HTM	70.404.992.226	32.025.084.243
Từ các khoản cho vay và phải thu	12.307.244.580	8.054.264.182
	99.954.048.106	53.403.389.325

31. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỖN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI VÀ LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

	Năm nay VND	Năm trước VND
(Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng cho vay hoạt động ký quỹ (<i>Thuyết minh 30.2</i>)	(661.198.933)	1.241.357.651
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (<i>Thuyết minh 30.2</i>)	666.170.000	-
Chi phí lãi đi vay cho hoạt động ký quỹ	7.587.797.679	4.159.989.190
	7.592.768.746	5.401.346.841

32. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt	14.681.638.016	945.406.249
Phí quản lý danh mục đầu tư	145.422.912	17.311.551
Phí phát hành chứng chỉ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt	-	1.500.000.000
	14.827.060.928	2.462.717.800

33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.381.836.919	797.417.659
Chi phí khấu hao tài sản cố định	779.666.586	649.983.791
Phí giao dịch bán tài sản tài chính tự doanh	629.787.292	458.161.991
Phí lưu ký tài sản tài chính tự doanh	199.046.492	233.916.371
Chi phí lương	-	41.270.000
Chi phí khác	1.448.930.408	703.413.244
	4.439.267.697	2.884.163.056

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương	4.195.571.156	4.152.220.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.171.760.995	2.783.510.150
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	1.805.837.744	1.526.934.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	859.180.778	771.196.351
Chi phí khác	1.368.672.706	959.223.753
	11.401.023.379	10.193.085.085

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương	7.533.823.228	6.145.090.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	897.628.440	477.539.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	299.504.717	429.493.149
Vật tư văn phòng	195.604.837	179.889.559
Chi phí khác	1.960.838.066	1.451.200.611
	10.887.399.288	8.683.213.761

36. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương	12.922.650.216	4.734.888.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	994.680.979	100.032.611
Chi phí thuê văn phòng	500.192.213	360.983.017
Vật tư văn phòng	22.439.340	35.610.279
Chi phí thuế, phí và lệ phí	-	68.644.000
Chi phí khác	444.287.069	545.778.090
	14.884.249.817	5.845.936.362

37. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.115.802	3.286.025
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	3.679.310
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.166.142.601	3.832.589.632
	1.170.258.403	3.839.554.967

38. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	45.347.385.469	18.687.741.044
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	21.647.110	100.824.820
	45.369.032.579	18.788.565.864

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

39. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	13.763.240.099	10.942.656.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.895.523.566	4.046.088.590
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại (Thuyết minh 18)	2.380.800.000	2.380.800.000
BHXH, BHYT, KPCĐ và BHTN	1.387.307.591	1.198.387.734
Chi phí khấu hao tài sản cố định	409.117.580	550.849.910
Chi phí công cụ, dụng cụ	293.258.020	339.084.743
Chi phí thuế, phí và lệ phí	193.422.809	47.755.206
Chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp	-	43.312.500
Chi phí vật tư văn phòng	-	8.531.450
Chi phí khác	4.085.143.581	2.062.922.754
	25.407.813.246	21.620.389.493

40. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	5.188.327.939	11.194.667.021
- Thu hồi nợ khó đòi đã xử lý	4.000.000.000	-
- Thu từ vi phạm hợp đồng của khách hàng	1.097.295.248	11.164.650.000
- Thu khác	91.032.691	30.017.021
Chi phí khác	(232.849.227)	(134.991.753)
	4.955.478.712	11.059.675.268

41. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2016: 20%).

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

41.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.337.909.101	14.580.512.495
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	12.909.023.327	261.825.846
	40.246.932.428	14.842.338.341

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

41. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

41.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	208.448.243.494	81.737.503.441
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	41.689.648.699	16.347.500.687
Ảnh hưởng của hợp nhất báo cáo tài chính	348.160.000	476.160.000
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không được khấu trừ	1.063.283.101	214.615.257
- Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	133.234.000	248.271.530
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	37.939	-
- Tăng khác	498.145.736	-
Các khoản điều chỉnh giảm		
- Lợi nhuận đánh giá lại chưa thực hiện	(12.427.329.327)	-
- Hoàn nhập dự phòng cho vay hoạt động ký quỹ	(132.239.787)	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	(735.862)
- Thu nhập từ cổ tức	(3.835.031.260)	(2.664.808.180)
Chuyển lỗ	-	(40.490.937)
Chi phí thuế TNDN	27.337.909.101	14.580.512.495

41.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	470.930.000	337.696.000	133.234.000	(33.769.600)
Dự phòng phải thu khó đòi	1.665.634.460	2.280.562.460	(614.928.000)	(228.056.246)
	2.136.564.460	2.618.258.460	(481.694.000)	(261.825.846)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	12.427.329.327	-	(12.427.329.327)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(12.909.023.327)	(261.825.846)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

42.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt	Công ty con	Phí quản lý danh mục đầu tư	19.378.676.396	8.238.725.113
		Thu nhập cổ tức	6.200.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các giao dịch với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt	Công ty con	Danh mục ủy thác đầu tư	90.411.730.704	91.704.246.975
		Phải trả phí quản lý danh mục	16.209.169.951	5.466.414.577

42.2 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong năm là 4.922.355.000 đồng (năm trước: 3.955.552.727 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm kết thúc cùng ngày

42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

42.3 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Mối giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Tư vấn tài chính VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Quản lý quỹ VND	Tổng cộng VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	24.921.054.982 (17.998.258.999)	279.939.048.190 (95.151.245.028)	1.714.545.454 (10.587.894.570)	71.518.053.618 (45.369.032.579)	36.662.934.335 (14.810.275.293)	414.755.636.579 (183.916.706.469)
2. Các chi phí trực tiếp	(859.180.778)	(779.666.586)	(299.504.718)	(409.117.580)	-	(2.347.469.662)
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	6.063.615.205	184.008.136.576	(9.172.853.834)	25.739.903.459	21.852.659.042	228.491.460.448 (20.043.216.954)
Kết quả kinh doanh bộ phận						
4. Chi phí không phân bổ						208.448.243.494
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017						
1. Tài sản bộ phận	155.264.666.030	451.817.481.575	1.632.700.000	40.776.067.363	14.799.094.053	664.290.009.021
- Tiền	-	4.682.230.763	-	4.809.714.509	1.496.523.062	10.988.468.334
- Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL	-	416.509.148.740	-	-	-	416.509.148.740
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS-thuần	-	9.703.608.872	-	-	-	9.703.608.872
- Các khoản cho vay-thuần	155.118.651.828	-	-	35.686.986.667	-	155.118.651.828
- Dự thu cổ tức/lãi tiền gửi	-	592.003.200	-	-	-	592.003.200
- Phải thu bán các tài sản tài chính	-	485.000.000	-	-	-	485.000.000
- Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	146.014.202	-	1.632.700.000	-	12.791.902.386	14.570.616.588
- Các khoản phải thu khác	-	19.845.490.000	-	279.366.187	510.668.605	20.635.524.792
2. Tài sản phân bổ	2.866.701.182	143.121.185.948	992.511.748	787.436.887.482	-	934.417.286.360
- Tiền gửi kỳ hạn	-	140.403.926.406	-	786.146.073.594	-	926.550.000.000
- Tài sản cố định	2.866.701.182	2.717.259.542	992.511.748	1.290.813.888	-	7.867.286.360
3. Tài sản không phân bổ	158.131.367.212	594.938.667.523	2.625.211.748	828.212.954.845	14.799.094.053	1.613.073.403.895
Tổng tài sản	307.025.126	2.572.797.000	-	802.221.000.000	-	805.100.822.126
1. Nợ phải trả bộ phận	307.025.126	-	-	802.221.000.000	-	802.221.000.000
- Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	307.025.126
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	307.025.126	-	-	-	-	2.572.797.000
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	2.572.797.000	-	-	-	62.851.545.748
2. Nợ phải trả không phân bổ	307.025.126	2.572.797.000	-	802.221.000.000	-	867.952.367.874
Tổng nợ phải trả	307.025.126	2.572.797.000	-	802.221.000.000	-	867.952.367.874

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

42.4 Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	2.779.310.240	3.061.400.049
Trên 1 - 5 năm	-	2.551.166.708
	2.779.310.240	5.612.566.757

42.5 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và thu nhập pha loãng trên mỗi cổ phiếu:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	168.017.919.807	66.833.489.961
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(3.460.714.497)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	168.017.919.807	63.372.775.464
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	53.800.704	48.141.501
Ảnh hưởng pha loãng do phát hành cổ phiếu thưởng (cổ phiếu)	-	4.332.735
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố pha loãng (cổ phiếu)	53.800.704	52.474.236
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.123	1.316
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND)	3.123	1.208

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

42.5 *Lãi trên cổ phiếu* (tiếp theo)

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHCD ngày 22 tháng 4 năm 2017.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2017 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho kỳ kế toán hiện tại.

42.6 *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Nhóm Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản nợ vay của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Nhóm Công ty chịu lãi suất cố định.

42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

42.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Nhóm Công ty đánh giá rủi ro ngoại tệ của Nhóm Công ty ở mức rất thấp do tài sản và nợ phải trả của Nhóm Công ty bằng ngoại tệ là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Khi thay đổi về giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán cho khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Nhóm Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng.

Nhóm Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ và ứng trước khi ký kết các hợp đồng ký quỹ và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

42.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng (tiếp theo)

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Nhóm Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh* 7.6, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày ở bảng dưới đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 do có đầy đủ tài sản đảm bảo.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	926.550.000.000	-	-	-	926.550.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	926.550.000.000	-	-	-	926.550.000.000
Các khoản cho vay - góp	155.118.651.828	-	-	580.158.718	155.698.810.546
Tài sản tài chính khác	76.537.231.735	-	-	-	76.537.231.735
Phải thu bán các tài sản tài chính	485.000.000	-	-	-	485.000.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	36.278.989.867	-	-	-	36.278.989.867
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	14.570.616.588	-	-	-	14.570.616.588
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	1.085.753.762	-	-	-	1.085.753.762
Phải thu khác	24.116.871.518	-	-	-	24.116.871.518
Tổng cộng	1.158.205.883.563	-	-	580.158.718	1.158.786.042.281

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

42.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 - 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	- 416.509.148.740	-	-	-	-	416.509.148.740
Cổ phiếu niêm yết	- 306.085.821.050	-	-	-	-	306.085.821.050
Cổ phiếu trên sàn Upcom	- 1.177.600	-	-	-	-	1.177.600
Cổ phiếu chưa niêm yết	- 45.002.150.090	-	-	-	-	45.002.150.090
Chứng chỉ quỹ	- 65.420.000.000	-	-	-	-	65.420.000.000
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán - gộp	- 12.058.258.872	-	-	-	-	12.058.258.872
Cổ phiếu chưa niêm yết	- 12.058.258.872	-	-	-	-	12.058.258.872
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	926.550.000.000	-	-	926.550.000.000
Tiền gửi kỳ hạn	-	-	926.550.000.000	-	-	926.550.000.000
Các khoản cho vay - gộp	580.158.718	-	155.118.651.828	-	-	155.698.810.546
Tài sản tài chính khác	-	14.570.616.588	36.763.989.867	20.931.243.762	4.271.381.518	76.537.231.735
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	485.000.000	-	-	485.000.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	-	36.278.989.867	-	-	36.278.989.867
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	14.570.616.588	-	-	-	14.570.616.588
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	-	1.085.753.762	-	1.085.753.762
Phải thu khác	-	-	-	19.845.490.000	4.271.381.518	24.116.871.518
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	10.988.468.334	-	-	-	10.988.468.334
	580.158.718	454.126.492.534	1.118.432.641.695	20.931.243.762	4.271.381.518	1.598.341.918.227
NỢ TÀI CHÍNH						
Vay ngắn hạn	-	-	802.221.000.000	-	-	802.221.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	307.025.126	-	-	-	307.025.126
Phải trả, phải nộp khác	-	7.951.754.065	-	-	-	7.951.754.065
	-	8.258.779.191	802.221.000.000	-	-	810.479.779.191
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	580.158.718	445.867.713.343	316.211.641.695	20.931.243.762	4.271.381.518	787.862.139.036

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)


42.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)


Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)


Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

43. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Nhóm Công ty và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.


Bà Nguyễn Thị Vân
Người lập


Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng


Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2018